

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.2. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	4
1.3. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.3.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	5
1.3.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp.....	8
1.3.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	9
1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.4.2. Kế toán giá vốn hàng bán	21
1.4.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.4.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	27
1.4.5. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	34
1.4.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	40
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	42
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung	42
1.5.2. Hình thức Nhật ký - Sổ cái	43
1.5.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	44
1.5.4. Hình thức Nhật ký - Chứng từ	45
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	46

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CN CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG	47
2.1. Khái quát chung về CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng	47
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng.....</i>	<i>47</i>
<i>2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng</i>	<i>49</i>
<i>2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng.....</i>	<i>49</i>
<i>2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại CN công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng.....</i>	<i>50</i>
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng.....	53
<i>2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng</i>	<i>53</i>
<i>2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>60</i>
<i>2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....</i>	<i>70</i>
<i>2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</i>	<i>74</i>
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG.....	81
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV Giao nhận vận tải Quang Hưng.81	81
<i>3.1.1. Ưu điểm.....</i>	<i>81</i>
<i>3.1.2. Hạn chế.....</i>	<i>83</i>
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng.....	84

<i>3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i>	84
<i>3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.</i>	85
<i>3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng</i>	86
<i>3.2.3.1. Giải pháp 1: Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng.....</i>	87
<i>3.2.3.2. Giải pháp 2: Giải pháp hoàn thiện sổ sách kế toán SỬ DỤNG.....</i>	87
<i>3.2.3.3. Giải pháp 3: Về việc lập báo cáo tài chính.....</i>	89
<i>3.2.3.4. Giải pháp 4: Về việc áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán.....</i>	89
<i>3.2.3.5. Giải pháp 5: Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng ...</i>	90

LỜI MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã và đang mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới đã mở ra những cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp. Việc này tạo ra cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường nhưng cũng lại đặt ra những thách thức đối với doanh nghiệp. Để tồn tại và ổn định được trên thị trường đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng vận động, nâng cao tính tự chủ, năng động để tìm ra phương thức kinh doanh có hiệu quả tiết kiệm chi phí để đem lại lợi nhuận cao để từ đó mới có đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu chất lượng phản ánh đích thực tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp đã cố gắng tìm ra hướng kinh doanh để đem lại doanh thu cho doanh nghiệp thì việc sử dụng những chi phí trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải hợp lý và tiết kiệm để phản ánh đúng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, kết quả kinh doanh là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, nó liên quan chặt chẽ đến chi phí bỏ ra và lợi nhuận đem lại. Như vậy việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh đúng đắn sẽ giúp cho nhà lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh để từ đó đưa ra những biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao lợi nhuận.

Xuất phát từ lý luận đồng thời kết hợp với thời gian thực tập tại CN Công ty Cổ phần Dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, được sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn ThS. Trần Thị Thanh Phương và các cán bộ nhân viên trong phòng tài chính kế toán của Công ty đã giúp em nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh. Do đó em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty TNHH dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng”*** làm khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp gồm ba phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng.

Vì thời gian thực tập, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong sự chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thị Hà Thanh

CHƯƠNG 1:

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp

điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.2. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.3. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.3.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

 **Khái niệm:**

❖ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

 **Phân loại doanh thu:** Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư

vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng

cho doanh nghiệp.

1.3.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu

thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\begin{array}{rcccl} \text{GTGT của hàng hóa} & & \text{Doanh số hàng hóa,} & & \text{Giá vốn hàng hóa,} \\ \text{dịch vụ} & = & \text{dịch vụ bán ra} & - & \text{dịch vụ bán ra} \end{array}$$

1.3.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

Khái niệm:

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

Phân loại chi phí: Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và

bán ngoại tệ.

▪ **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

▪ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**


- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.3.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

 **Kết quả hoạt động kinh doanh:** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

❖ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

✚ Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:

+ *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu} & & & & \text{Chi phí} \\ \text{hoạt} & & \text{thuần về bán} & & & & \text{quản lý} \\ \text{động sản} & = & \text{hàng và} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{doanh} \\ \text{xuất kinh} & & \text{cung cấp} & & \text{hàng bán} & & \text{doanh} \\ \text{doanh} & & \text{dịch vụ} & & & & \text{nghị} \\ & & & & & & \text{ệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccc} \text{Doanh thu thuần về} & = & \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{bán hàng và cung} & & \text{và cung cấp dịch vụ} \\ \text{cấp dịch vụ} & & - \text{ Các khoản giảm trừ} \\ & & \text{doanh thu} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động tài chính*

$$\begin{array}{ccc} \text{Kết quả hoạt động} & = & \text{Doanh thu hoạt động} \\ \text{tài chính} & & \text{tài chính} \\ & & - \text{ Chi phí tài chính} \end{array}$$

+ *Kết quả hoạt động khác:*

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

1.4. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.4.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✚ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

 **Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

 **Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài gián bán (nếu có);

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần

hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng*: Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc


chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý*: Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp...

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng...

 **Tài khoản sử dụng:**

❖ **TK 511 - " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

- ✓ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 5 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
 - Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
 - Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
 - Tài khoản 5118 - Doanh thu khác
- ✓ Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - K/C doanh thu thuần vào TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh". 	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":**

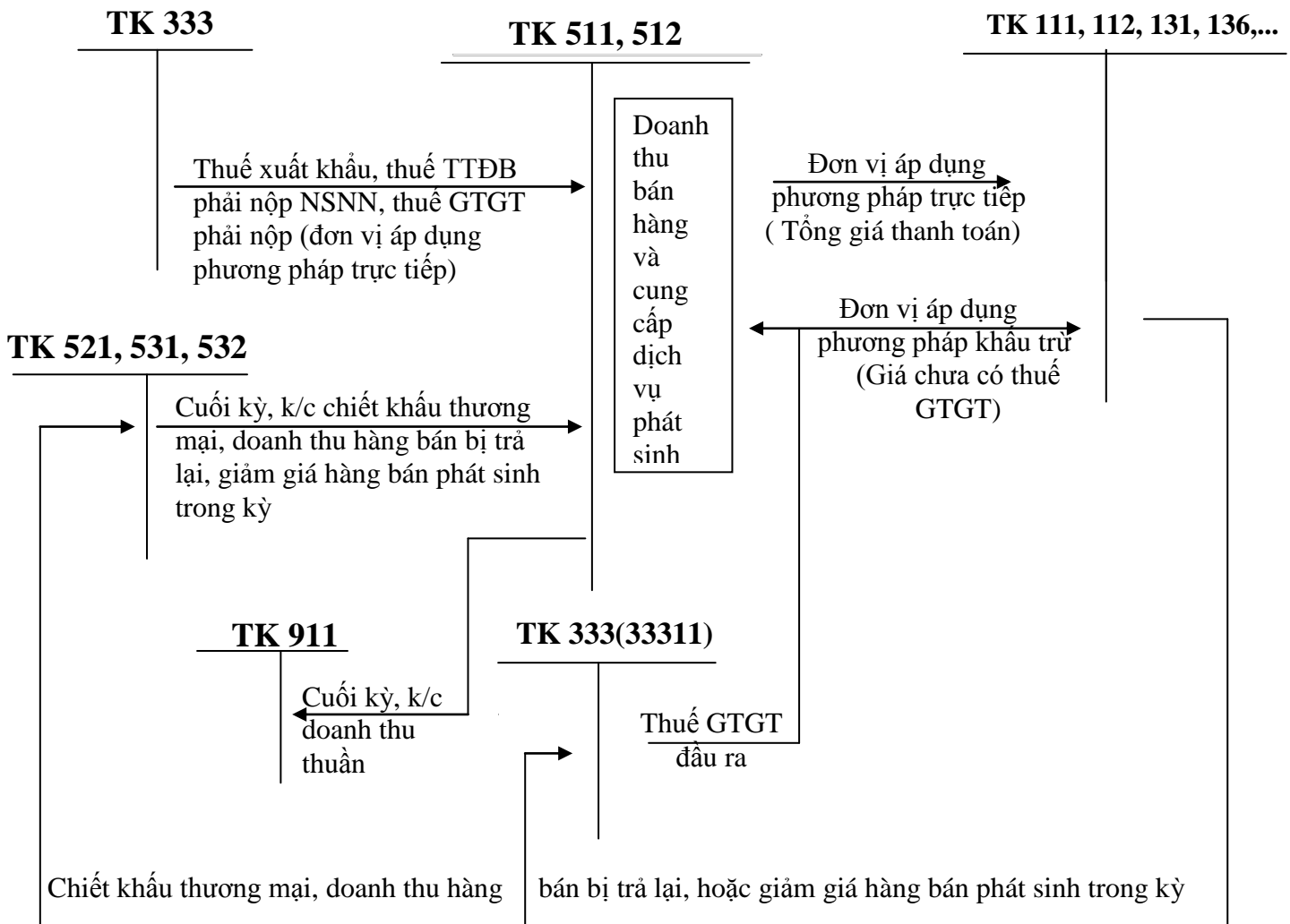
- ✓ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
 - Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- ✓ Kết cấu của TK 512

Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng SP, HH, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh ". 	<p>Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

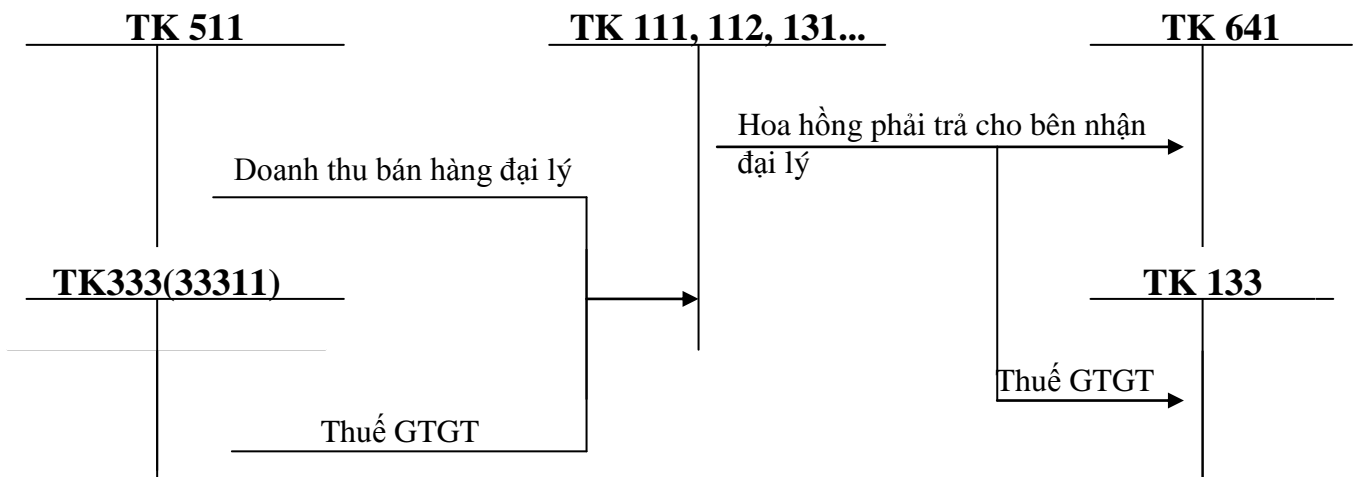
TK 512 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán:

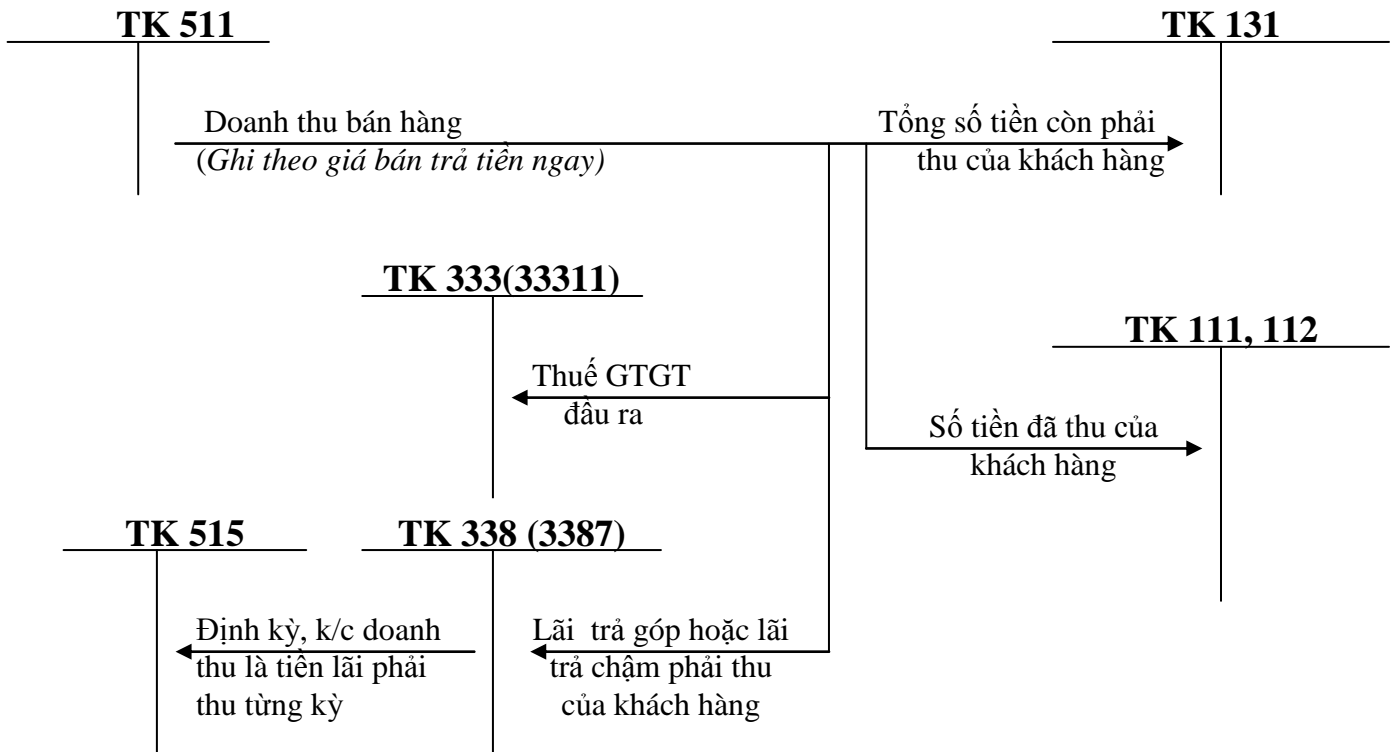
Sơ đồ 1.1. Kế toán bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp trực tiếp



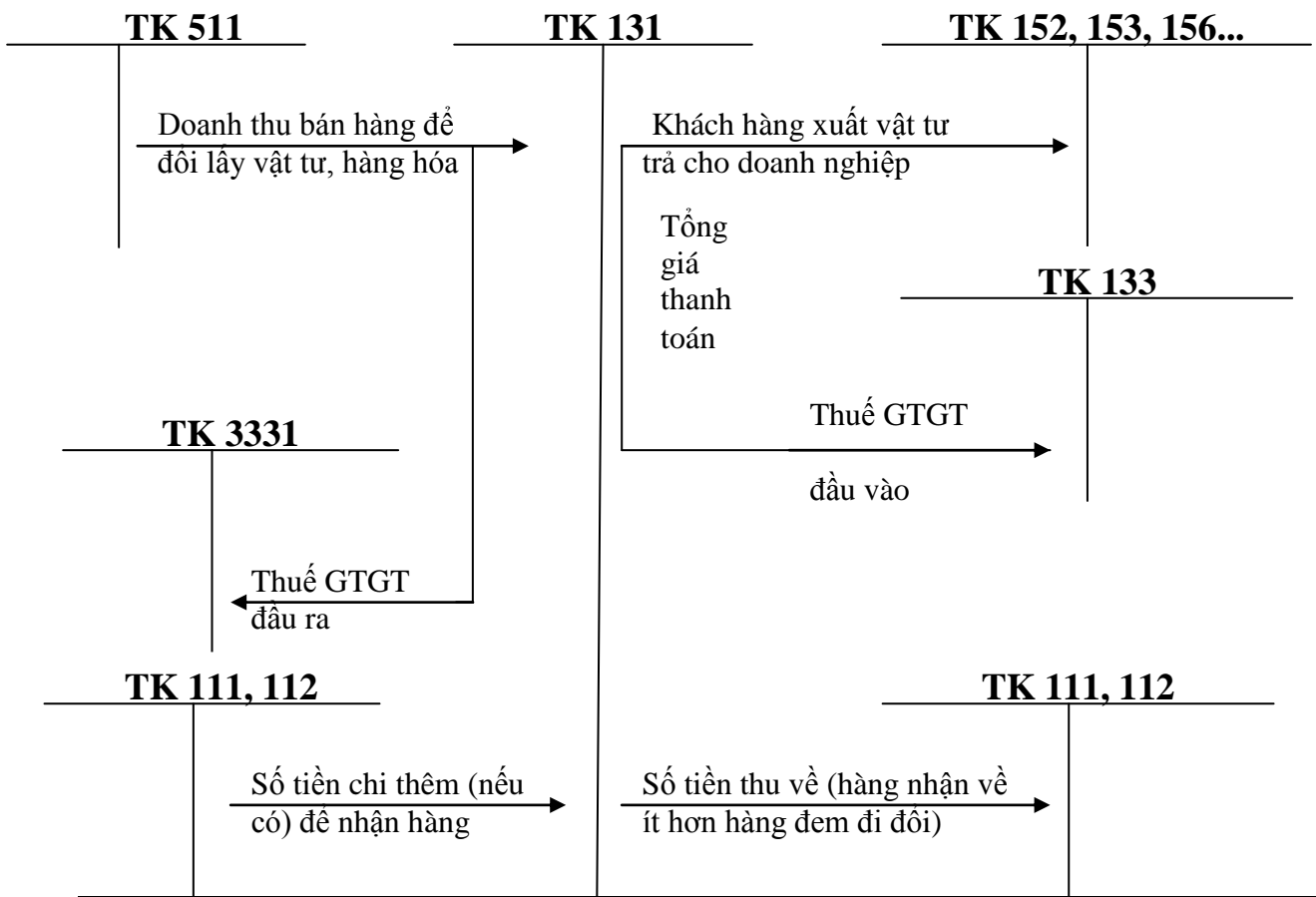
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



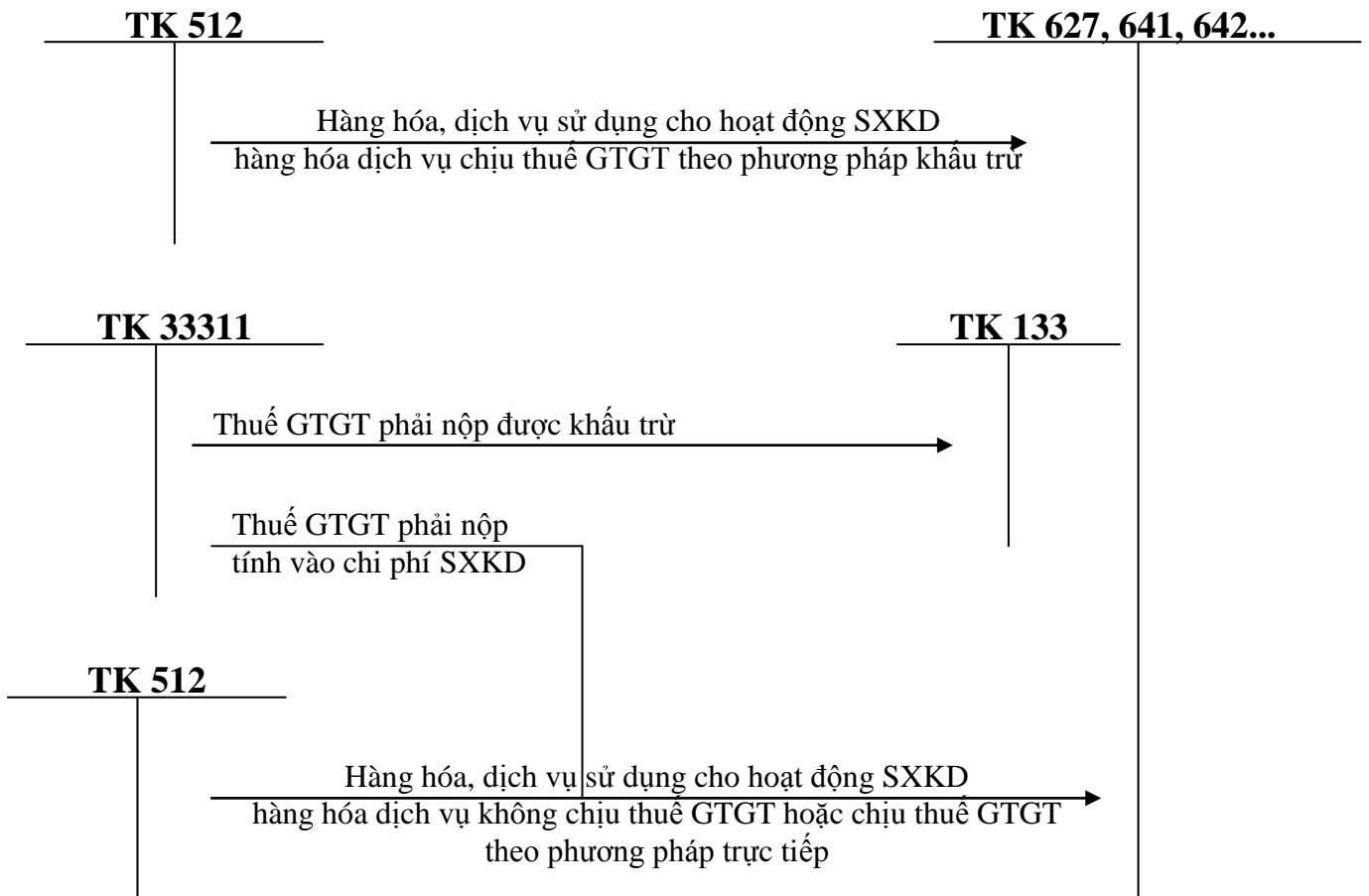
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp




Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng




Sơ đồ 1.5 : Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

 **Tài khoản sử dụng:**

➤ **Tài khoản 521 - "Chiết khấu thương mại"**

- Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại” có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ
- Kết cấu của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 531 - "Hàng bán bị trả lại"**

- Kết cấu của TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.	- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

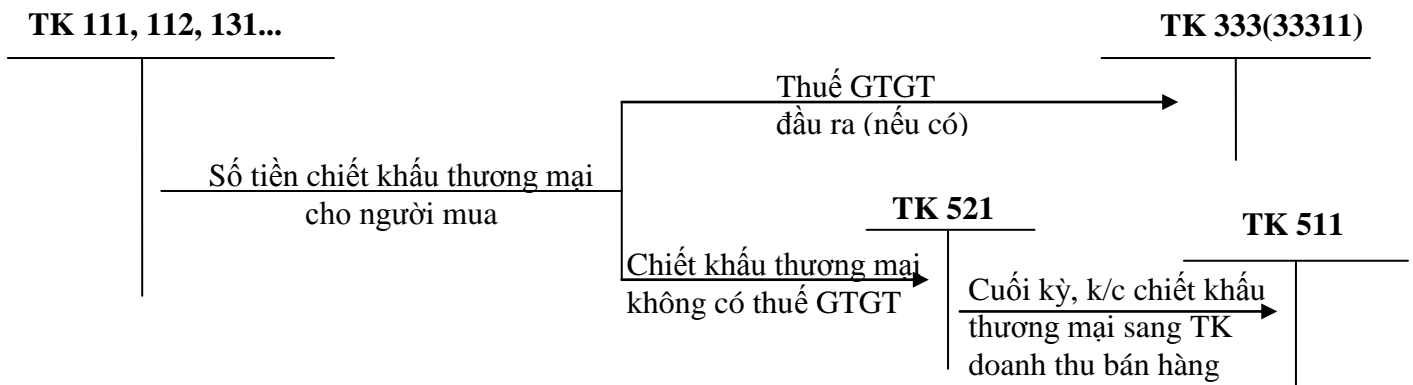
- Kết cấu của TK 532

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

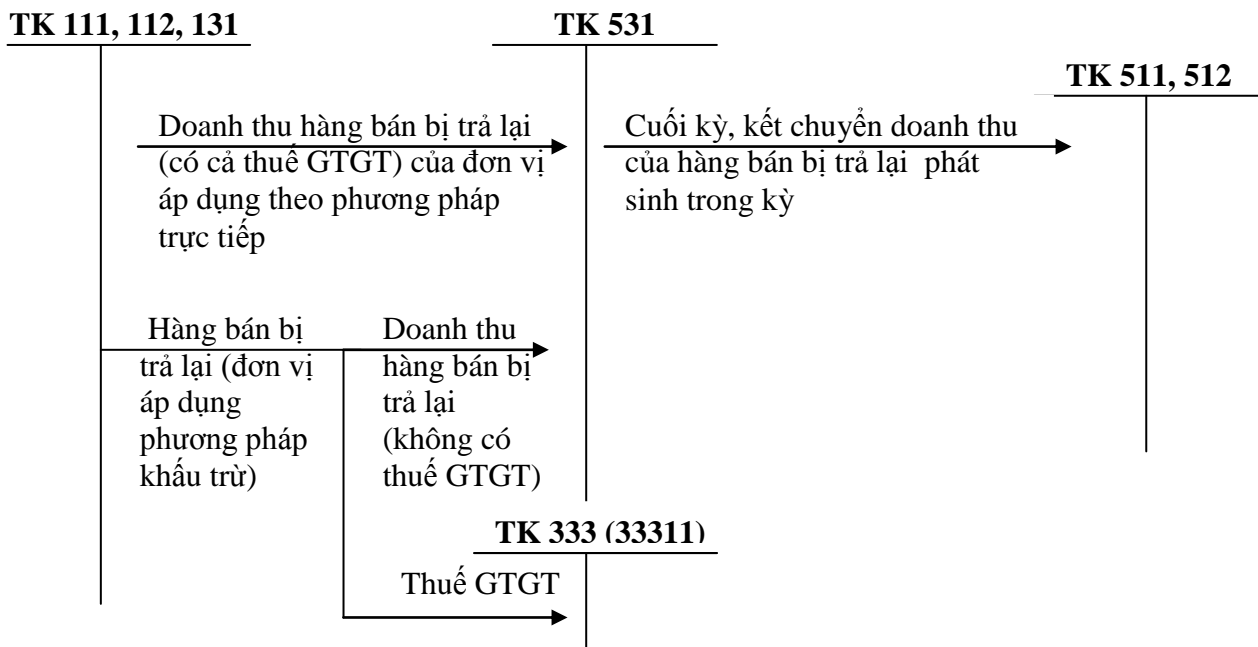
TK 532 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

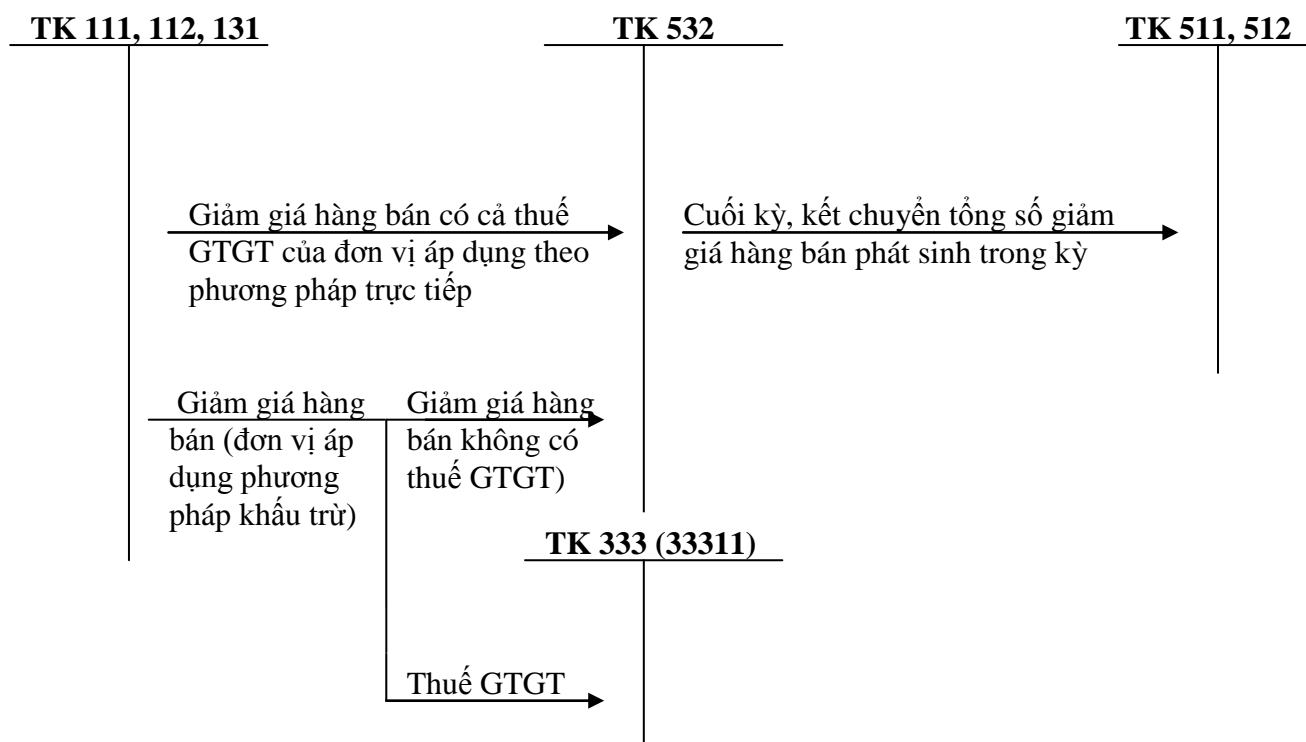
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.2. Kế toán giá vốn hàng bán:

🚦 Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho.

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

❖ ***Chứng từ sử dụng:***

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ ***Tài khoản sử dụng:***

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

✓ Kết cấu nội dung TK 632:

Nợ	TK 632	Có
<p>- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:</p> <p>+ Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;</p> <p>+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;</p> <p>+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;</p> <p>+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</p> <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:</p> <p>+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;</p> <p>+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;</p> <p>+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;</p> <p>+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;</p>	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

② *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :*

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

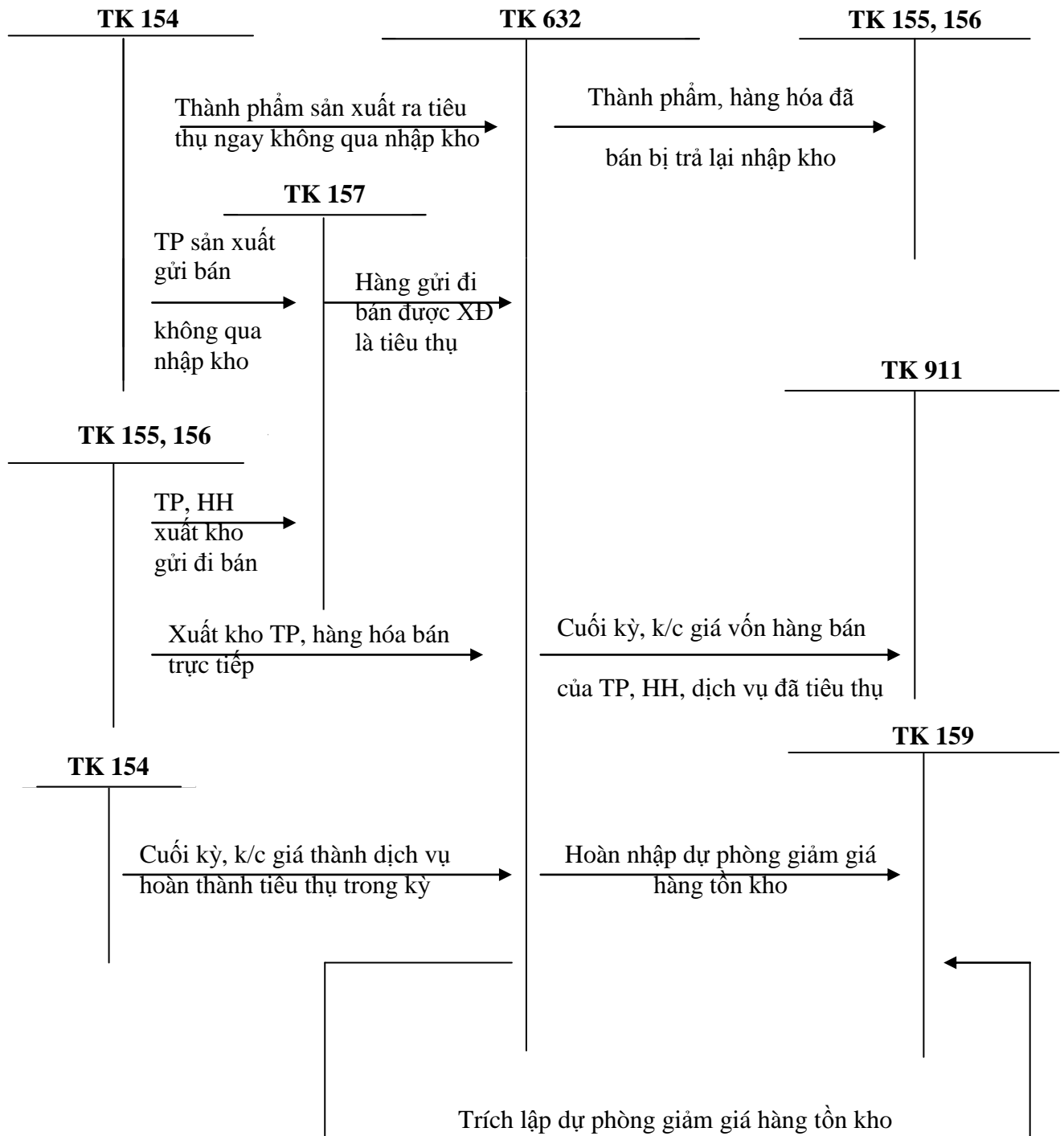
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất"

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK <u>155</u> ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ; - K/C giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 .
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

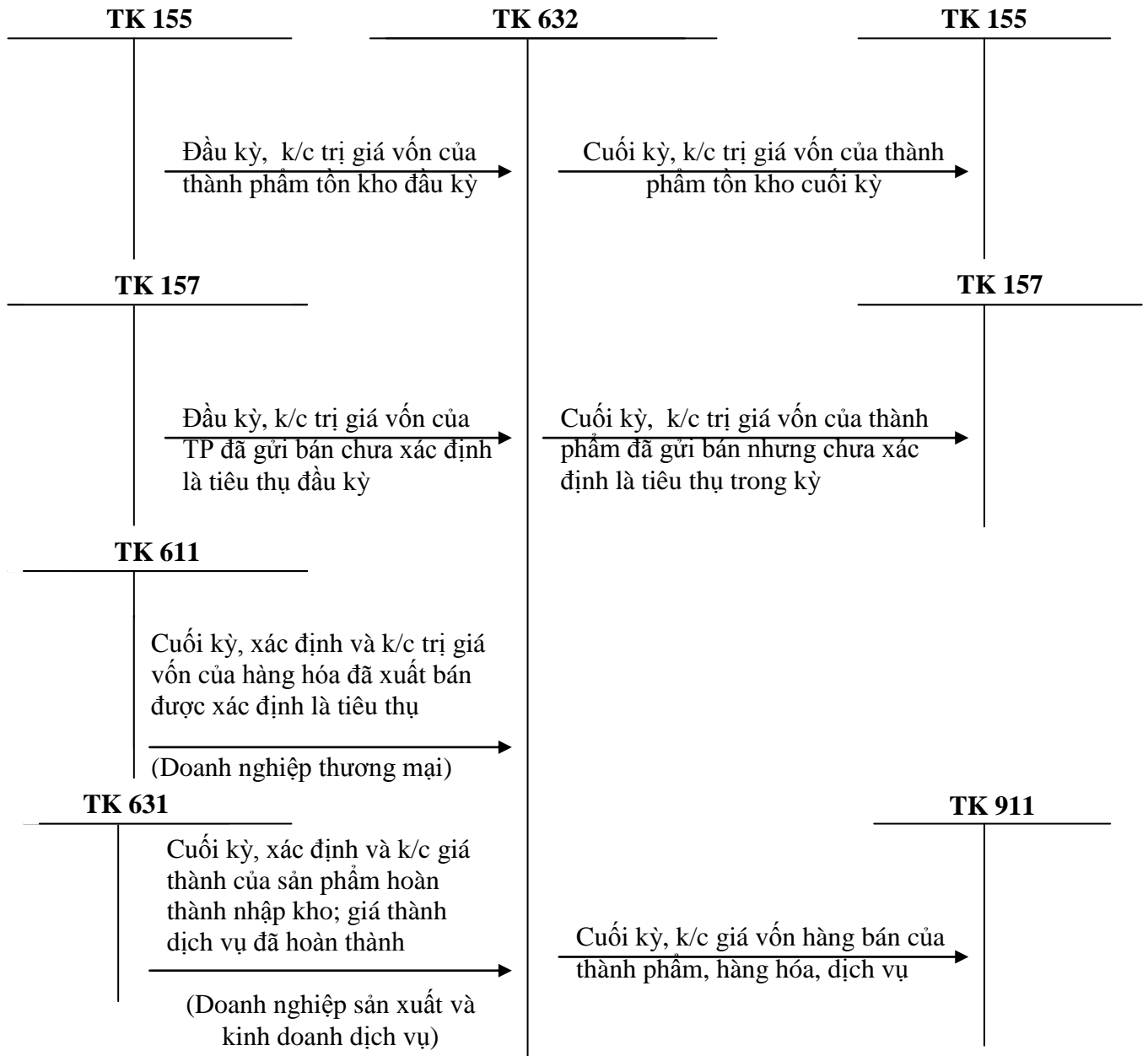
TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.10 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 -TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 641 "Chi phí bán hàng"**

- ✓ Các TK cấp 2:
 - + Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
 - + Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
 - + Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - + Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - + Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
 - + Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

➤ **TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"**

- ✓ Các TK cấp 2:
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 641, 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

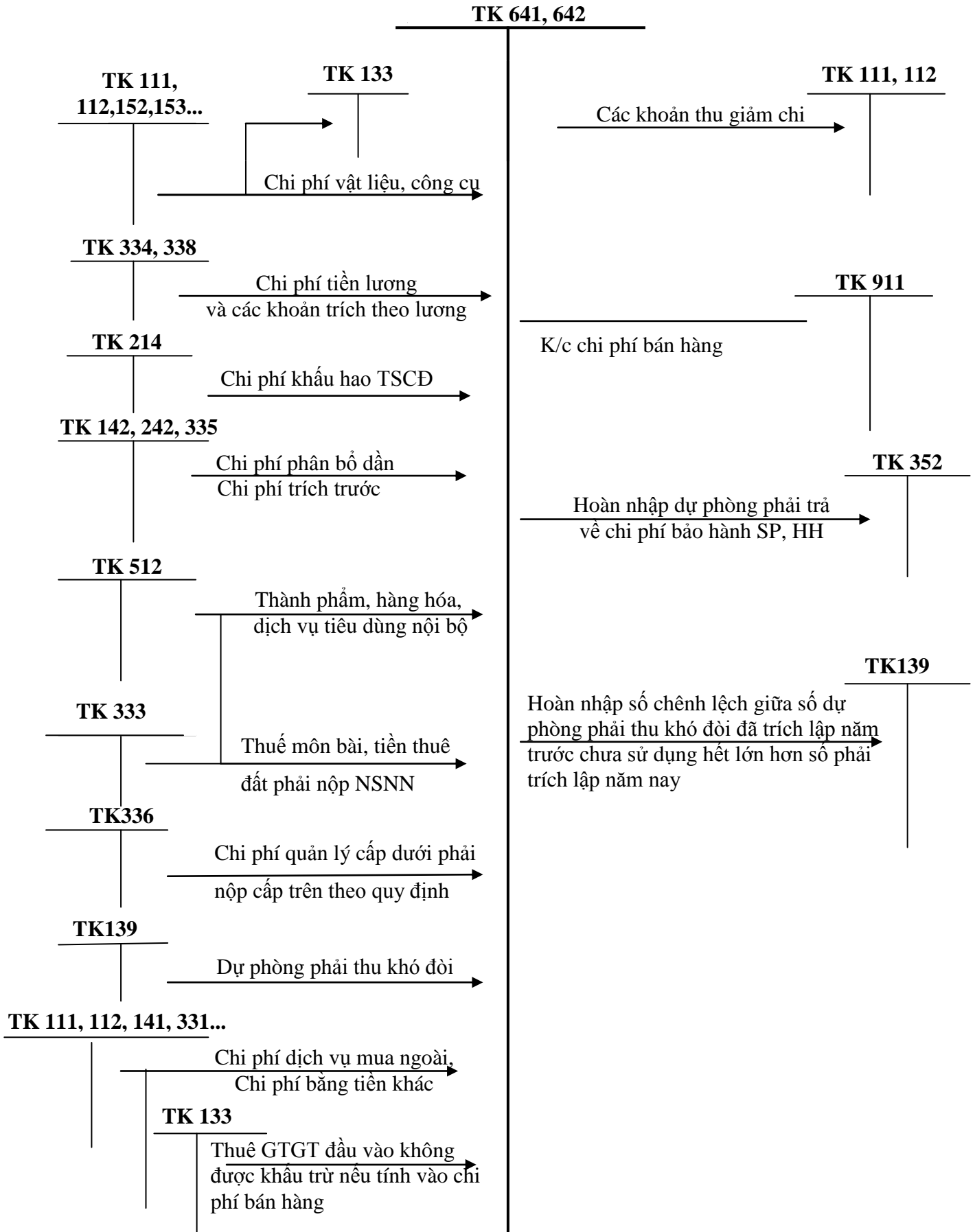
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.11 : Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp



1.4.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

📌 Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

📌 Tài khoản sử dụng

➤ **TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

Kết cấu của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có); - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; - Chiết khấu thanh toán được hưởng; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ; - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh; - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính; - DT hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 635: Chi phí tài chính**

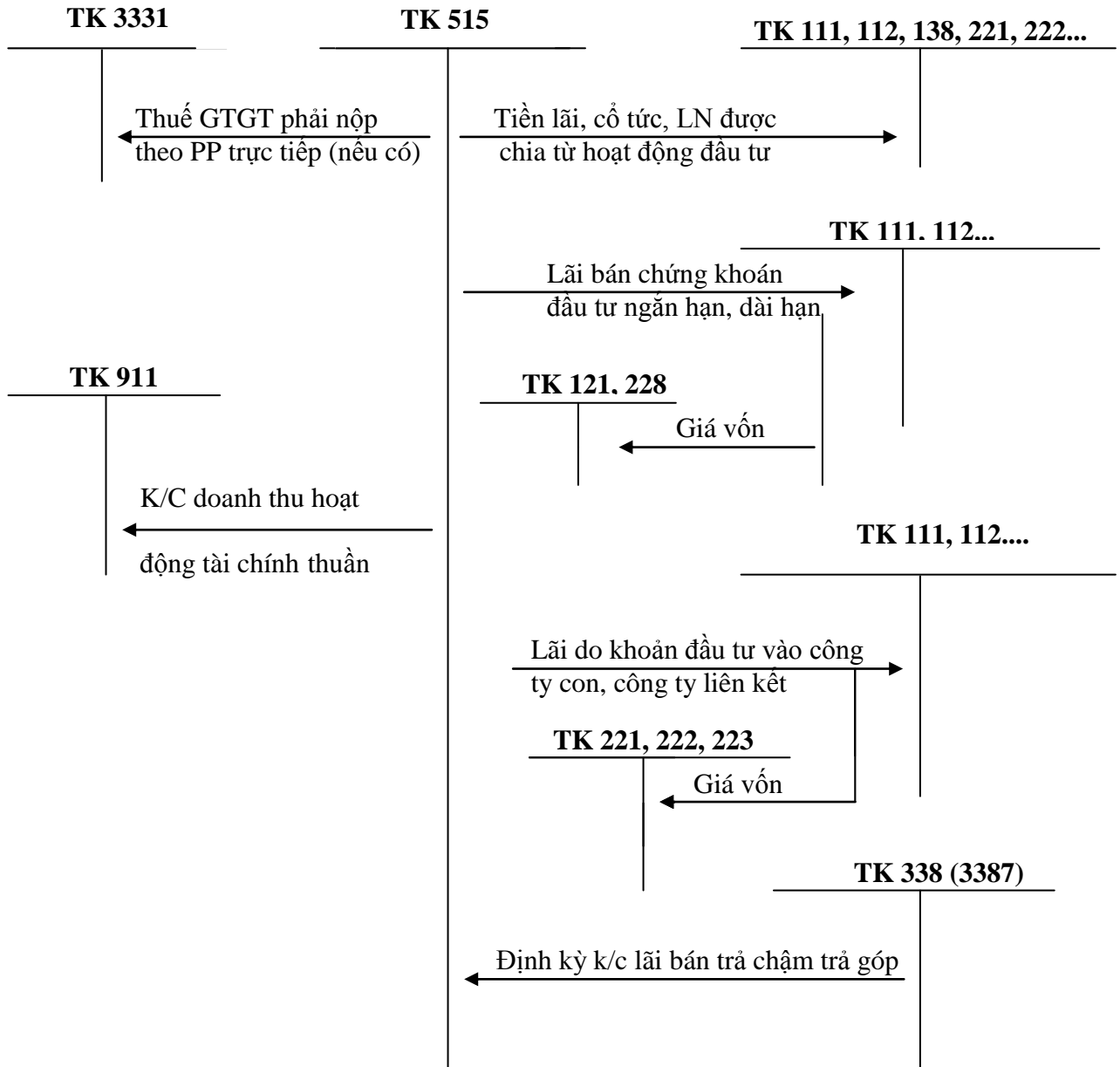
✓ Kết cấu của TK 635

Nợ	TK635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có

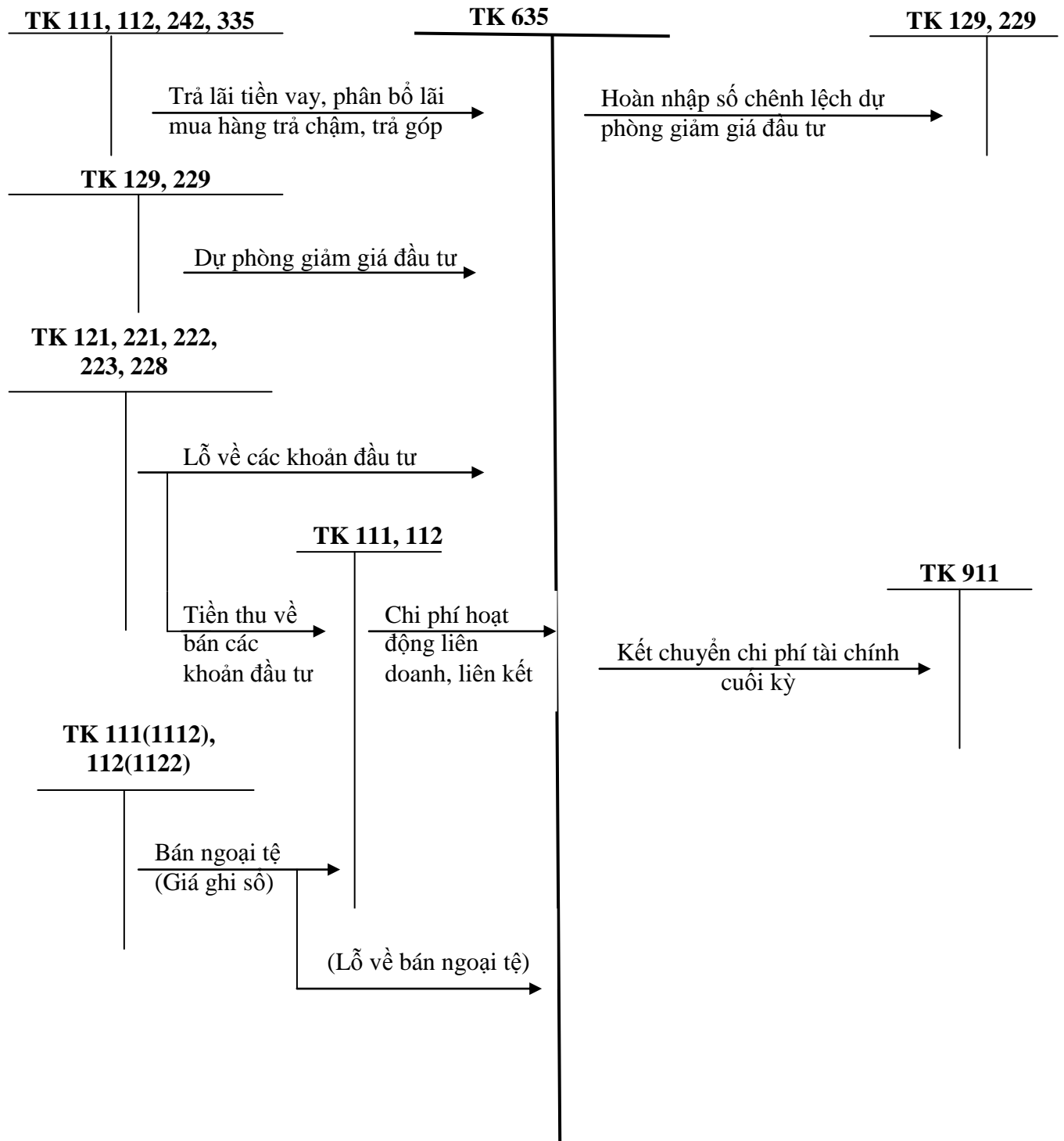
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1. 13: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính




Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí tài chính



1.4.5. Kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác.

1.4.5.1. Kế toán thu nhập khác

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

 **Tài khoản sử dụng:**

TK 711 " Thu nhập khác"

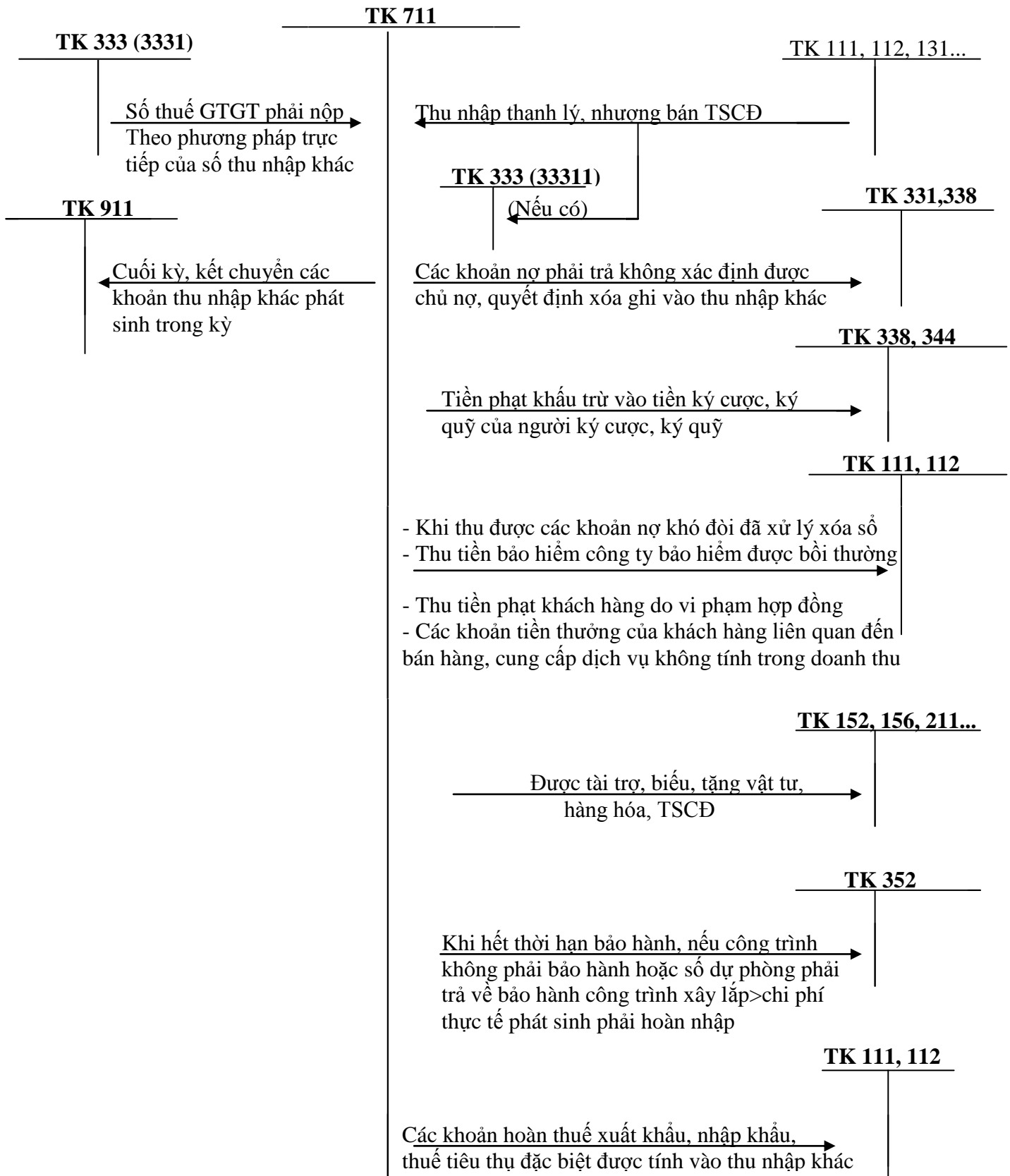
- Kết cấu của TK 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có


TK 711 không có số dư cuối kỳ

 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.15: Kế toán thu nhập khác



1.4.5.2. Kế toán chi phí khác:

 **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kê toán
- Các chứng từ liên quan khác

 **Tài khoản sử dụng:**

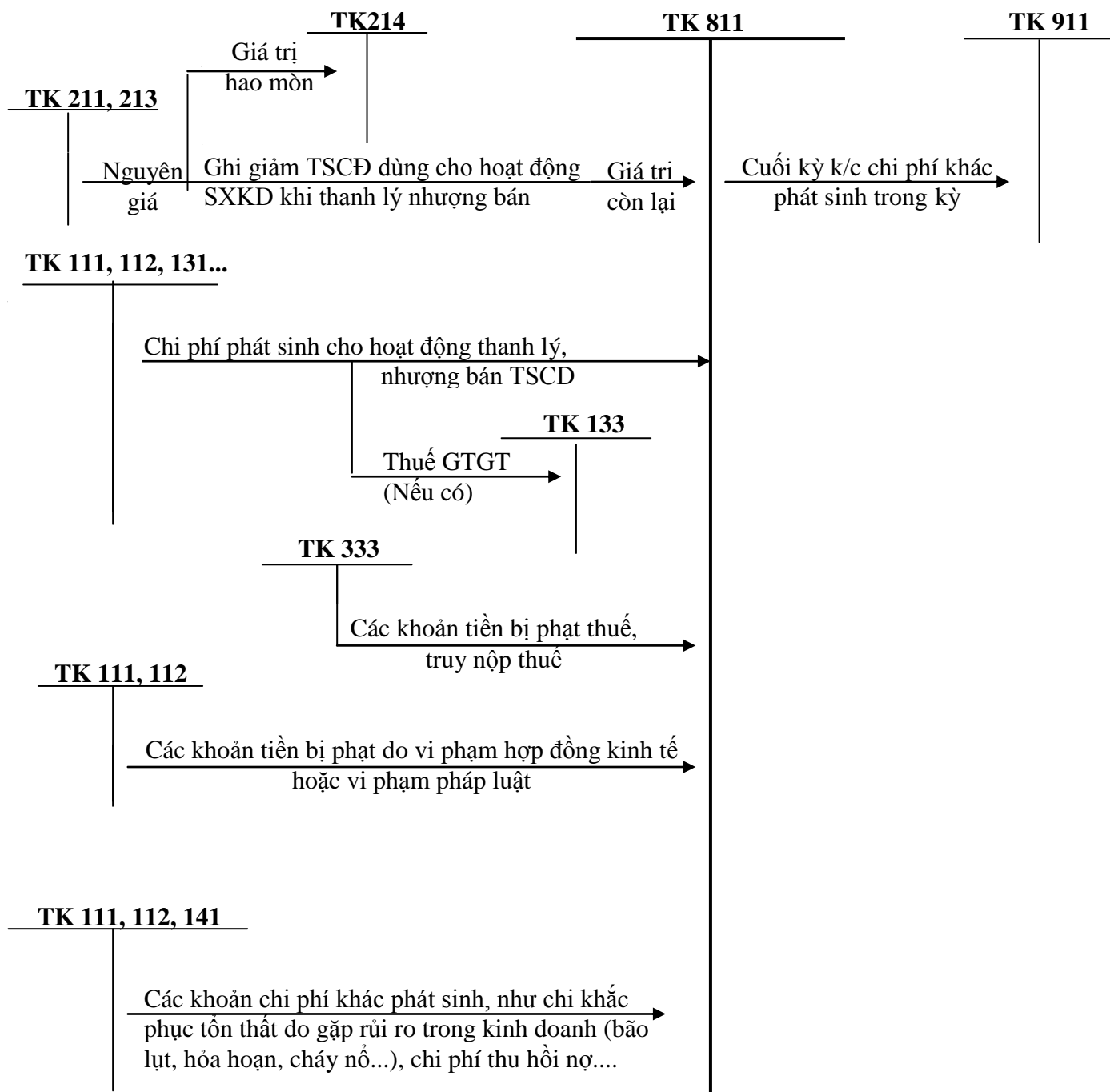
- ✓ Kết cấu của TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

 **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.16 : Kế toán chi phí khác



1.4.5.3. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

 **Tài khoản sử dụng: TK 821" Chi phí thuế TNDN"**

✓ Kết cấu của TK 821 như sau:

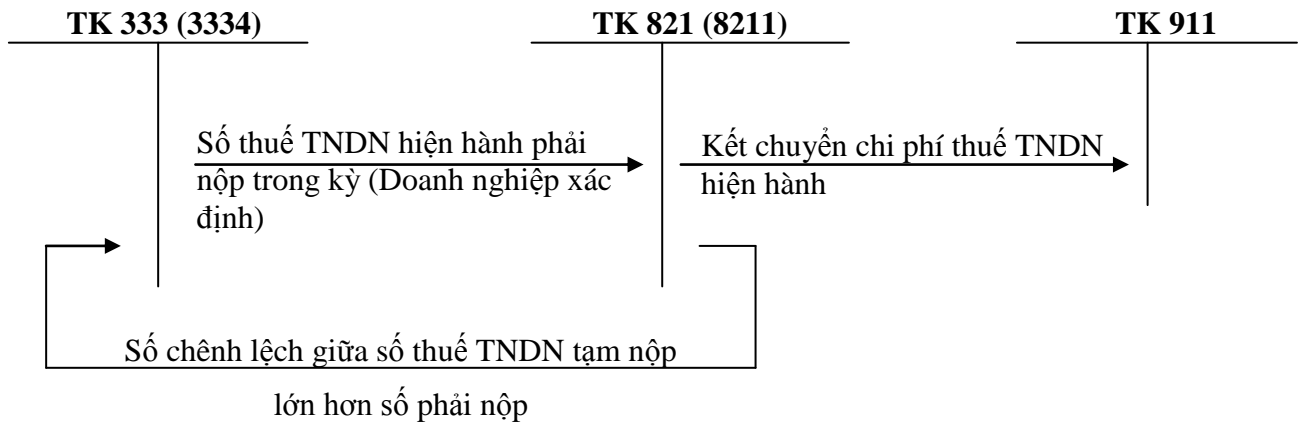
Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại; - Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập DN hiện hành trong năm hiện tại; - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ; - Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế TN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế TN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm); - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 ; - Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 . 	
Tổng số phát sinh Nợ		Tổng số phát sinh Có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

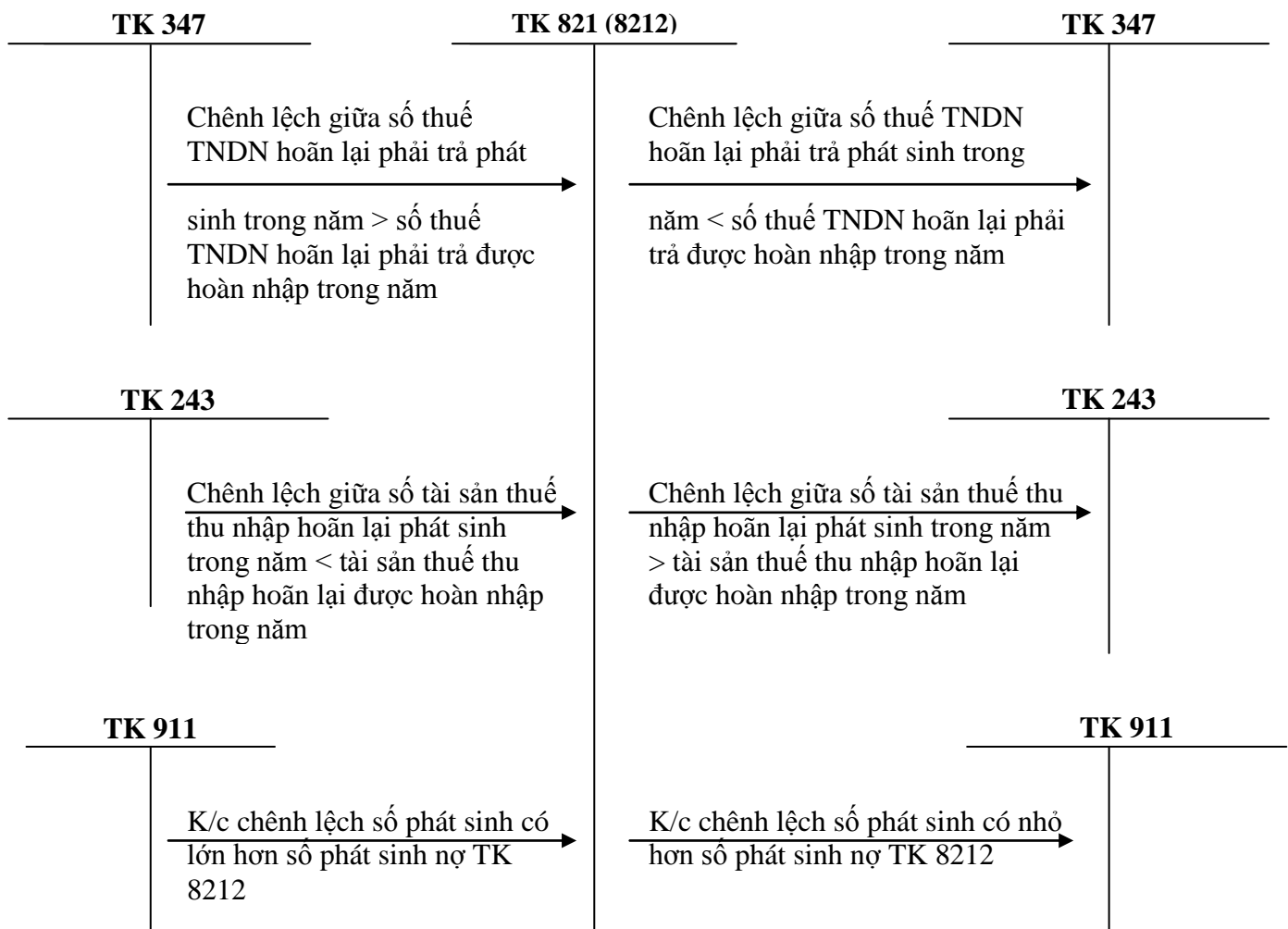
- ✓ Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
 - Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

☚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành




Sơ đồ 1.18: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.4.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

 **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán

 **Tài khoản sử dụng:** TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

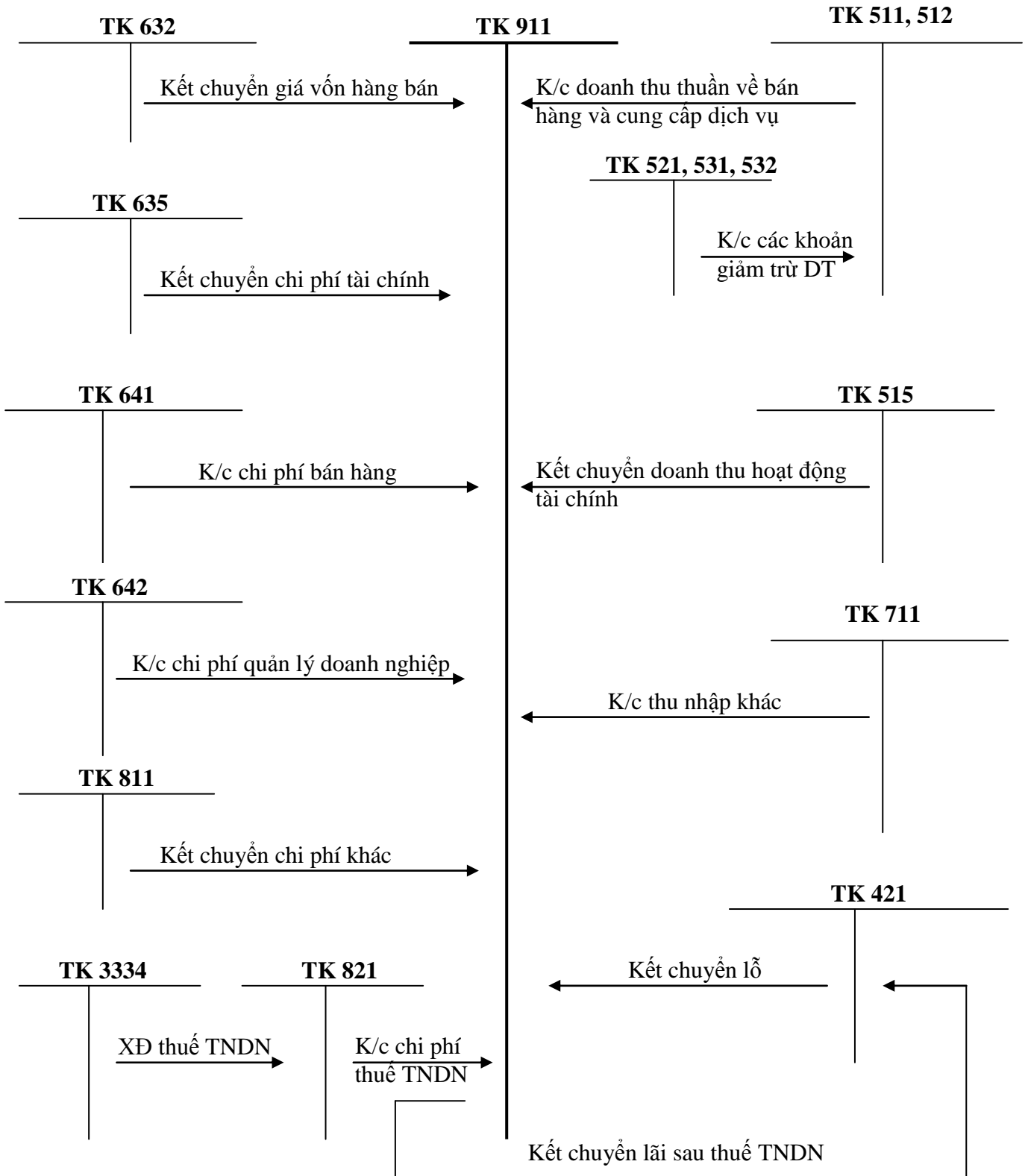
✓ Kết cấu của TK 911 như sau:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán; - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác; - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp; - Kết chuyển lãi. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; - Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

☛ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.19: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

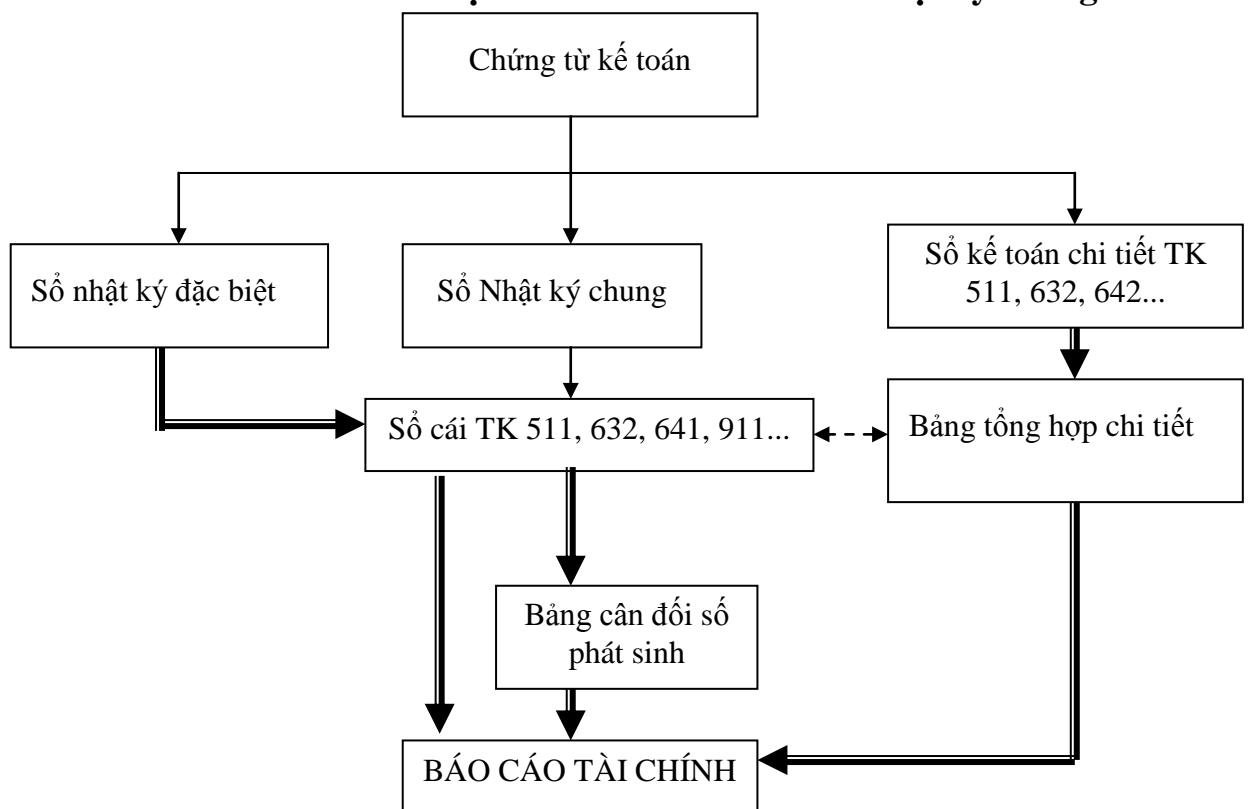
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.20 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

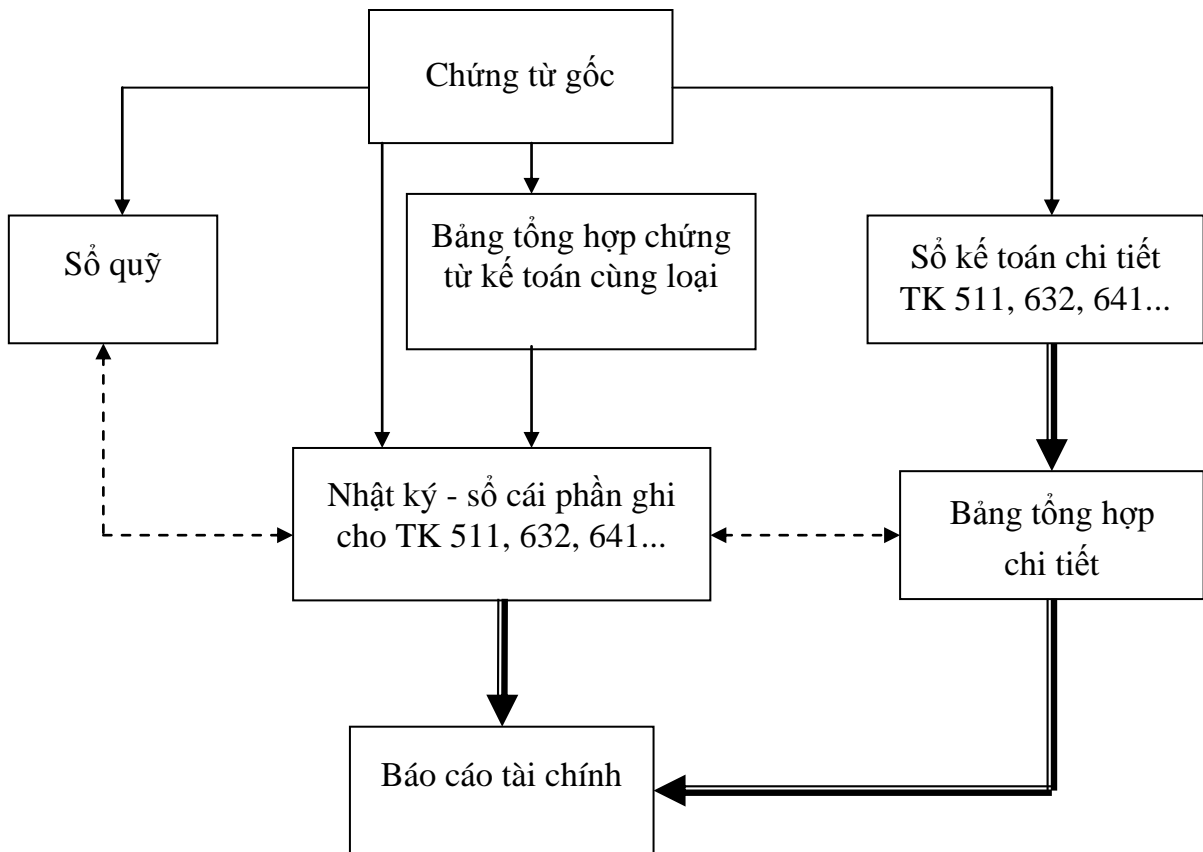
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - sổ cái



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

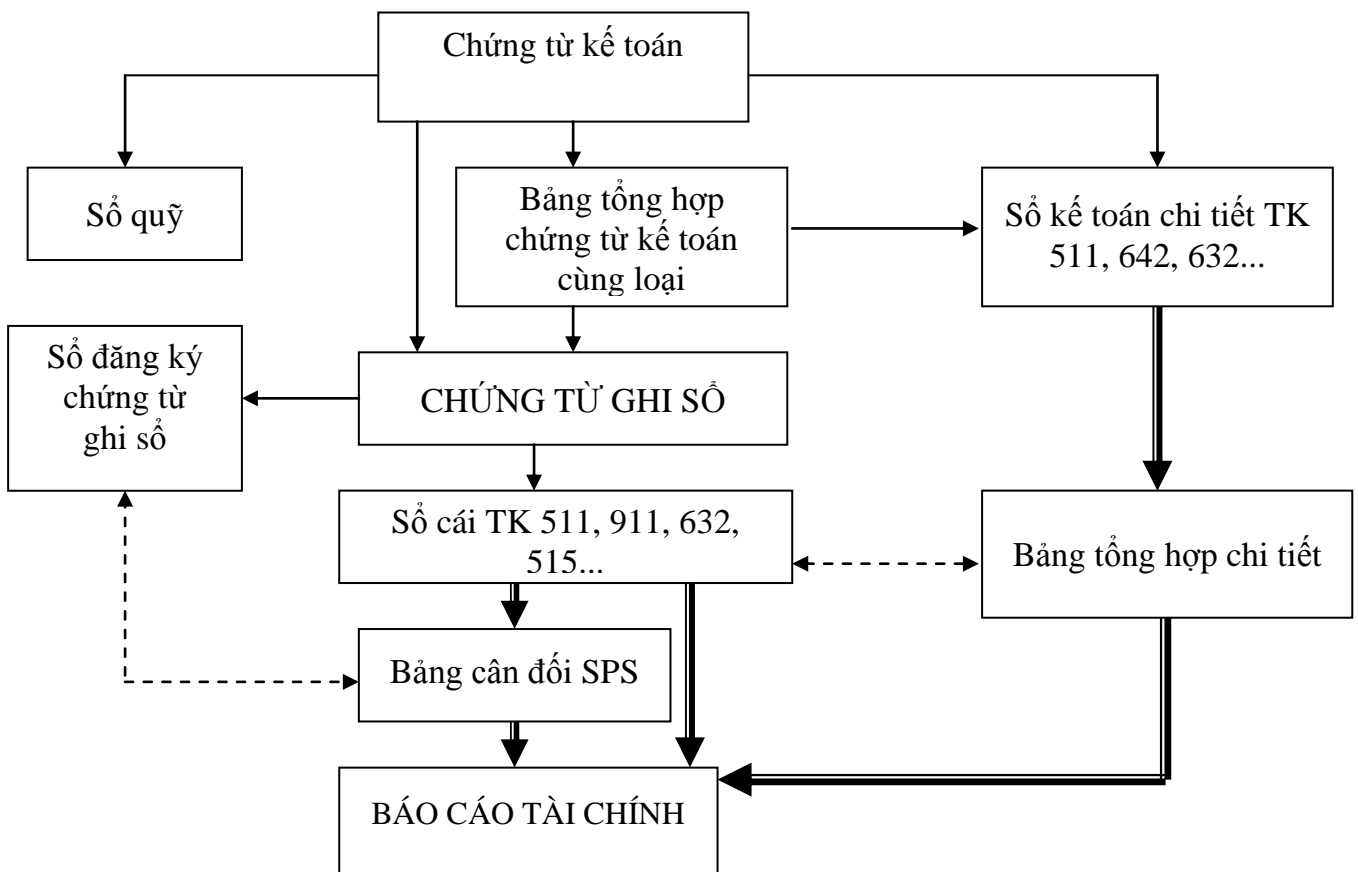
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ ".

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:

❖ *Đặc trưng cơ bản:*

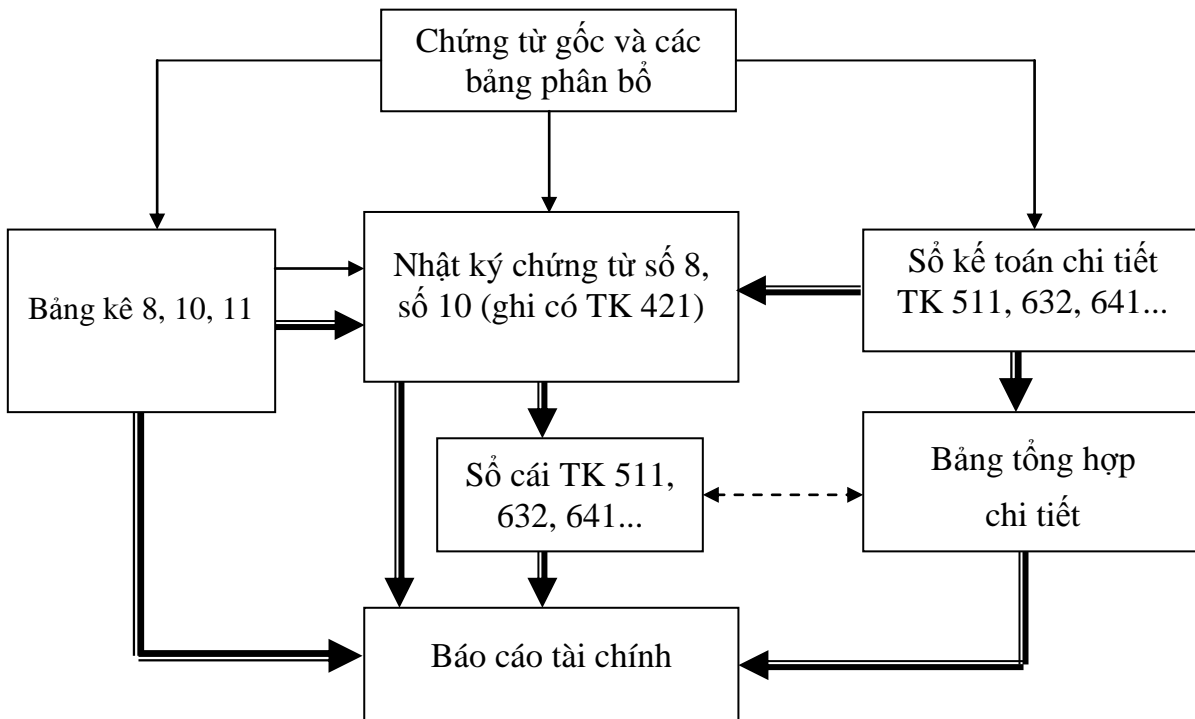
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

❖ *Các loại sổ chủ yếu:*

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - chứng từ



- Ghi chú:**
- Ghi hàng ngày
 - ====→ Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

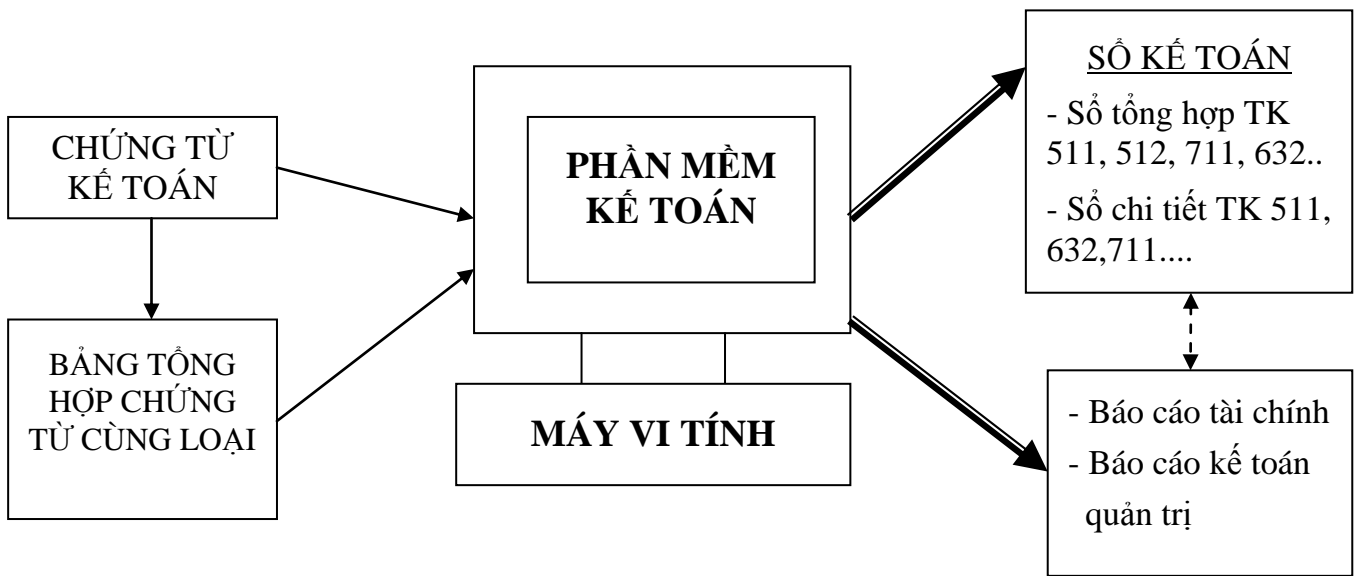
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

❖ *Đặc trưng cơ bản:* Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

❖ *Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:*

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.24: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- =====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CN CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG

2.1. Khái quát chung về CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng

2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển của CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng:*

Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng gọi tắt là Công ty SUNNYTRANS là một trong những công ty tư nhân đầu tiên trong ngành đại lý hàng hải tại Việt Nam, công ty được thành lập năm 1995 trong thời kỳ Chính Phủ thực hiện chính sách Đổi Mới.

Ra đời trong bối cảnh ấy, công ty Sunnytrans phải đấu tranh để tồn tại và phát triển bằng chính sách đặc trưng của mình là “thu phục sự tin cậy của khách hàng” bằng cách phục vụ với sự tinh thông nghề nghiệp và chất lượng dịch vụ của mình.

Với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có nhiều kinh nghiệm hàng hải và hàng không, hiểu biết luật pháp quốc tế và luật pháp Việt Nam, thông thạo nhiều ngoại ngữ, công ty có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ có chất lượng cao, an toàn, hiệu quả và đúng tiến độ.

Văn phòng chính của công ty:

Địa chỉ: Số 146 Đường Khánh Hội, Phường 6, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 9402741

Fax: (84-8) 9402740

Email: info@sunnytrans.com.vn

Website: www.sunnytrans.com.vn

MST: 0301245691.

Chi nhánh của công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng tại Hải Phòng được thành lập từ ngày 11 tháng 6 năm 2002 và đăng ký lại vào ngày 21 tháng 11 năm 2008 vào sổ đăng ký kinh doanh số 0202010117 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên doanh nghiệp : **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG**

+ Địa chỉ : Phòng 7+8 tầng 3 tòa nhà Thành Đạt, số 3 Lê Thánh Tông – Ngô Quyền – Hải Phòng

+ Mã số thuế : 0301245691-002

+ Tên viết tắt : Sunny Trans Co., Ltd

+ Tên đối ngoại : Sunny Transportation Co., Ltd

+Loại hình DN : Công ty TNHH

Chi nhánh của công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng tại Hải Phòng là một tổ chức kinh doanh hạch toán phụ thuộc và hoạt động theo sự ủy quyền của công ty TNHH DV GNVN Quang Hưng.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên được xét tuyển kỹ càng, trình độ nghiệp vụ cao, tinh thần trách nhiệm làm việc tốt đã góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của công ty.

Công ty đã đi vào hoạt động được 10 năm, gặp không ít những khó khăn, sự cạnh tranh gay gắt của nền thị trường, sự khủng hoảng của nền kinh tế thế giới nói chung, kinh tế Việt Nam nói riêng. Nhưng công ty vẫn đứng vững từng bước khẳng định vị trí của mình, tạo được uy tín trên thị trường.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng

Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng hoạt động với các ngành nghề kinh doanh sau:

- Dịch vụ vận tải - giao nhận hàng hóa. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Dịch vụ tàu kéo lai dắt tàu biển.

- Mua bán vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng phục vụ sản xuất và tiêu dùng, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Sản xuất, gia công hàng may mặc, giày dép các loại. Dệt vải. Chế biến nông lâm thủy hải sản. Dịch vụ cung ứng tàu biển.

- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

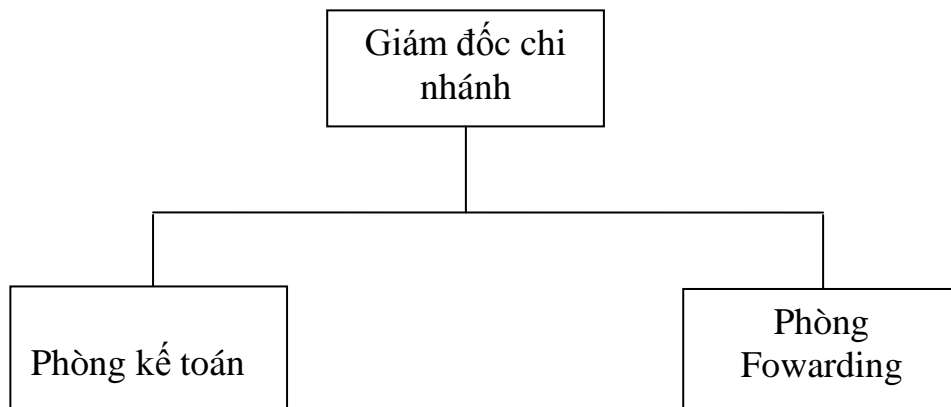
Đối với CN Công ty TNHH DV GNVT ở Hải Phòng hoạt động chủ yếu là:

- Dịch vụ vận tải - giao nhận hàng hóa.

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của CN công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng:

Bộ máy quản lý của Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, bộ máy quản lý gọn nhẹ. Do đó tạo ra bộ máy hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của CN công ty TNHH DV Giao nhận vận tải Quang Hưng tại HP



❖ **Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:**

- Giám đốc chi nhánh: Ông Trần Quốc Hương là người đứng đầu chi nhánh, nắm quyền điều hành chỉ đạo mọi hoạt động của chi nhánh, kiểm soát các hoạt động của phòng Fowarding, chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp mọi hoạt động của chi nhánh tới GD Tổng Công ty.

- Phòng Fowarding: Điều hành các hoạt động xuất nhập hàng

- Phòng kế toán: Lập kế hoạch tài chính và theo dõi toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức ghi chép những nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại CN công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của CN công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng

Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng tại Hải Phòng với quy mô nhỏ gọn bộ phận kế toán tài chính chỉ gồm có một kế toán trưởng và một thủ quỹ:

- Kế toán trưởng: thực hiện tất cả các phần hành kế toán tại chi nhánh Hải Phòng.

- Thủ quỹ: chịu trách nhiệm thu chi tiền mặt khi có đủ thủ tục giấy tờ theo quy định

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại CN công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng:

- Công ty hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 của Bộ Tài chính .

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm .

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: sử dụng Đồng Việt Nam để ghi chép và lập các báo cáo tài chính của Công ty.

- Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế

- Hình thức kế toán sử dụng: Nhật ký chung.

Về chứng từ:

Chứng từ sử dụng tại Công ty bao gồm các chứng từ mang tính chất bắt buộc theo quy định chung sử dụng mẫu thống nhất theo quy định của nhà nước; chứng từ kế toán mang tính hướng dẫn ngoài ra, Công ty còn có những mẫu chứng từ riêng phục vụ cho yêu cầu của kế toán quản trị.

Về tài khoản kế toán sử dụng:

Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng sử dụng các tài khoản trong bảng và các tài khoản ngoài bảng của hệ thống tài khoản kế toán áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20-03-2006 của Bộ Tài chính.

Đồng thời, các tài khoản cấp 1 được chi tiết thành các tài khoản cấp 2 cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu quản lý của Công ty.

Về chế độ sổ sách sử dụng:

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung , theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp

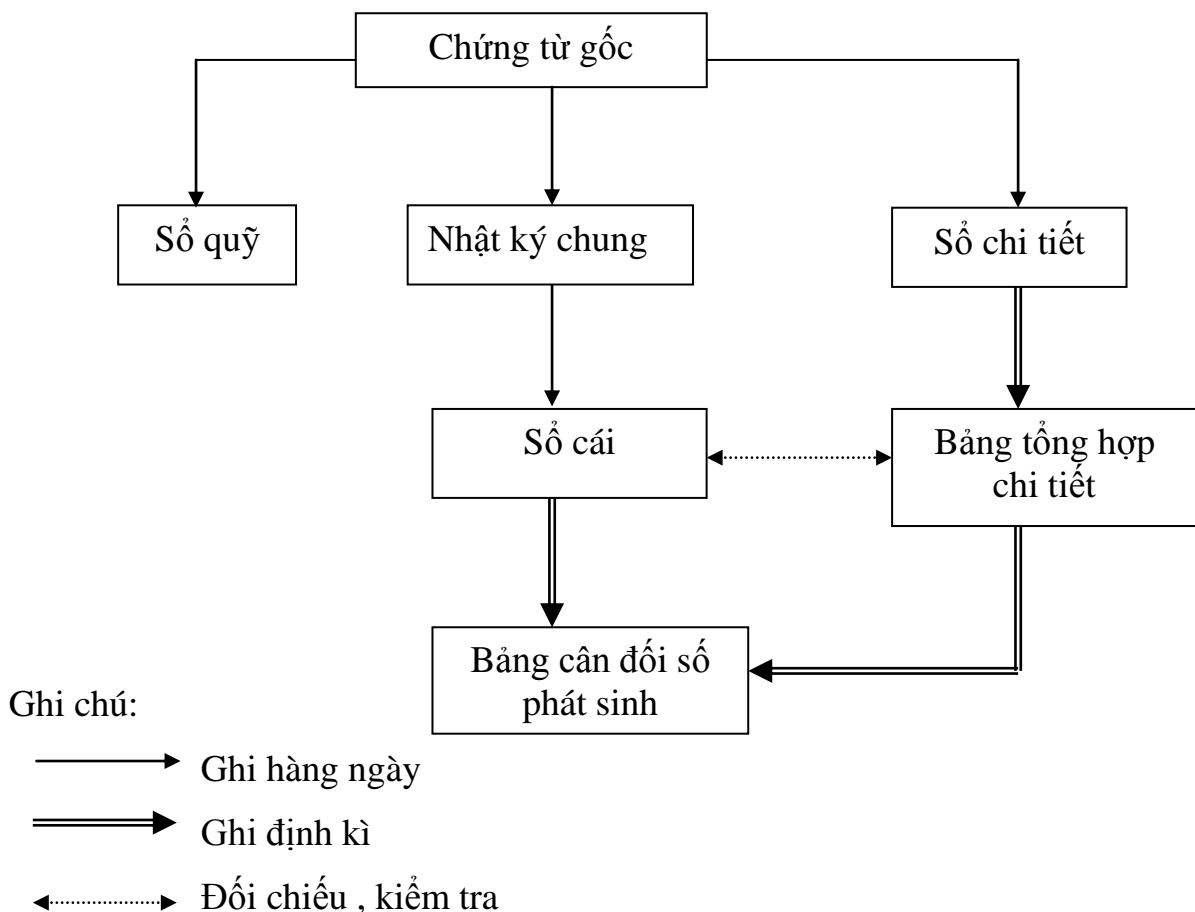
vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh .

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm :

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Sổ quỹ
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản

Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng là công ty hạch toán phụ thuộc nên không bắt buộc phải lập báo cáo tài chính. Hiện nay công ty chỉ lập bảng cân đối số phát sinh để gửi lên Công ty mẹ.

Sơ đồ 2.2: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung:



Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên Sổ chi tiết TK kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết.

Kế toán đối chiếu số liệu giữa sổ Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết để đảm bảo khớp đúng số liệu.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng

Doanh thu cung cấp dịch vụ của CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng tại Hải Phòng chủ yếu từ cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải qua đường biển, đường bộ.

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

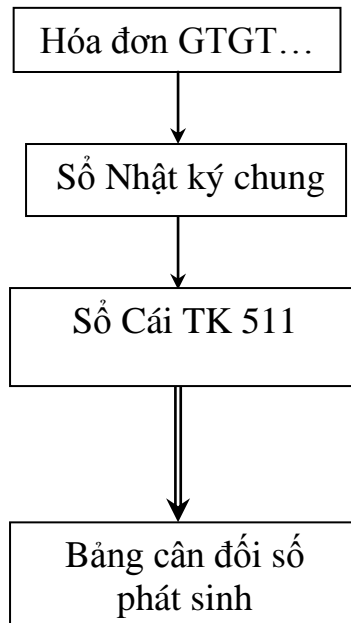
TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú → Ghi hàng ngày

 ⇒ Ghi định kỳ

Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung.

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 và các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK 511 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

✚ Ví Dụ 1:

Ngày 01/12/2011 công ty thu phí chứng từ, THC của công ty may Tinh Lợi. Số tiền là 8.730.000 đồng chưa VAT 10%. Công ty Tinh Lợi đã thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Ví Dụ 2:

Ngày 17/12/2011 công ty thu phí D/O, đại lý, VSC của Công ty CP Hà Phong Số tiền là 2.450.000 đồng chưa VAT 10%. Công ty Hà Phong chưa thanh toán.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0093275			
<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2011</i>					
Đơn vị bán hàng : CN Công ty TNHH DV GNVТ Quang Hưng					
Địa chỉ : P7+8 tầng 3 Số 3-Lê Thánh Tông- Hải Phòng					
Số tài khoản: 31000088513		MST: 0301245691-002			
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công ty TNHH may Tinh Lợi					
Địa chỉ : Khu CN Nam Sách – Hải Dương					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán : TM		MST: 0800291164			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vận đơn số: CHHK2HPH3918/10, SITLCHAW6048507				
	Phí chứng từ	Cont	2	595.000	1.190.000
	Phí THC	Cont	2	3.770.000	7.540.000
Cộng tiền hàng					8.730.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			873.000
Tổng cộng tiền thanh toán					9.603.000
Số tiền bằng chữ: chín triệu sáu trăm linh ba ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0093348			
<i>Ngày 17 tháng 12 năm 2011</i>					
Đơn vị bán hàng : CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng					
Địa chỉ : P7+8 tầng 3 Số 3-Lê Thánh Tông- Hải Phòng					
Số tài khoản: 31000088513		MST: 0301245691-002			
Họ tên người mua hàng :					
Tên đơn vị : Công Ty Cổ Phần Hà Phong					
Địa chỉ : tầng 8, 83A, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, HN					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán :		MST: 2500222692			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vận đơn số: COXH12070157				
	Phí D/O	Cont	1	700.000	700.000
	Phí đại lý	Cont	1	500.000	500.000
	Phí VSC	Cont	1	1.250.000	1.250.000
Cộng tiền hàng					2.450.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			245.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.695.000
Số tiền bằng chữ: Hai triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Trích Sổ nhật ký chung

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03a – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Nội dung	Số hiệu TK đối ứng		Số Tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
0093275	01/12/2011	111	3331	873.000	
...	
0093320	09/12/2011	111	511	2.240.000	
0093320	09/12/2011	111	3331	224.000	
...	
0093348	17/12/2011	131	511	2.450.000	
0093348	17/12/2011	131	3331	245.000	
...	
		Tổng cộng SFS			3.922.452.272

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.4: Trích Sổ cái TK 511

CN CTY TNHH DV GNVT QUANG HƯNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ _ TK 511

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
01/12	0093275	Thu phí chứng từ, THC – B/L: CHHK2HPH3918/10,SITLCHA W6048507 - Cty Tinh Lợi	111		8.730.000
...
09/12	0093320	Thu phí chứng từ, THC, VSC - B/L:LEH/HAI84-245854, HDMURSWB0891889 – Cty HN Thời trang	111		2.240.000
...
17/12	0093348	Thu phí D/O, đại lý, VSC – B/L: COXH12070157 - Cty Hà Phong	131		2.450.000
31/12	PKT13/12	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xđ KQKD T12	911	487.752.448	
		Tổng số phát sinh		487.752.448	487.752.448
		Số dư cuối kỳ		-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng:

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421: chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal. Bao gồm các loại phí như phí chứng từ, phí giao hàng (D/O), phí kho bãi (CFS), phí xếp dỡ tại cảng (THC), phí vệ sinh cont...

- TK 6428: chi phí quản lý khác. Tài khoản này bao gồm chi phí tiền lương cho nhân viên quản lý, chi phí tiếp khách, chi phí điện nước...

✚ Chứng từ sử dụng:

- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tạm ứng

- Hóa đơn GTGT

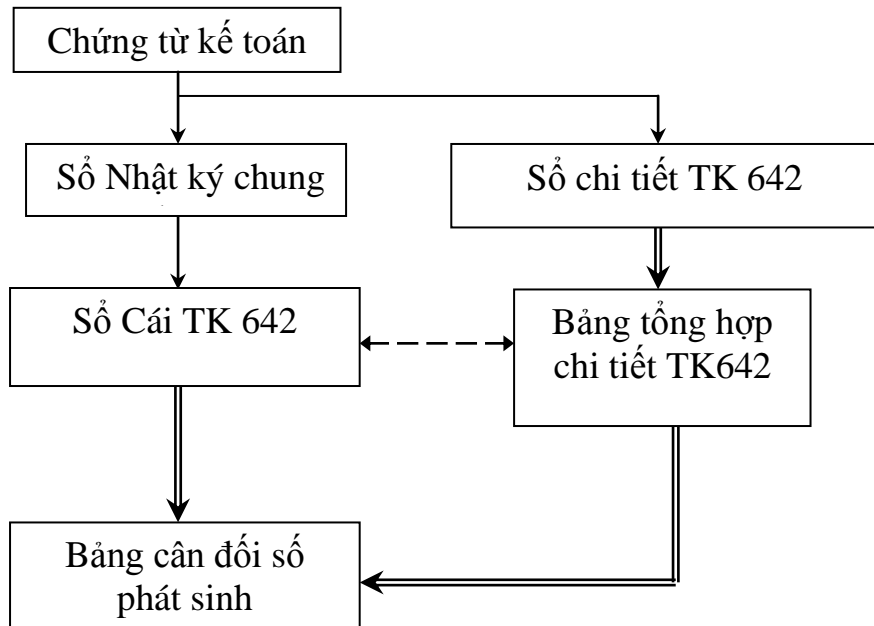
- Bảng thanh toán lương

- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

- Các chứng từ khác có liên quan

✚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

Căn cứ vào chứng từ kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào Sổ chi tiết Tài khoản 642.

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 642 và các sổ cái có liên quan. Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên Sổ chi tiết TK 642 kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết TK 642.

Kế toán đối chiếu số liệu giữa sổ Sổ cái TK642 và Bảng tổng hợp chi tiết TK642 để đảm bảo khớp đúng số liệu.

Cuối kỳ, căn cứ vào Sổ cái TK642 và Bảng tổng hợp chi tiết TK642 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.


✚ Ví dụ 1:

Ngày 13/12/2011 công ty thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011: 2.040.537 đồng chưa VAT 10%. Công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

✚ Ví dụ 2:

Ngày 16/12/2011 phí vệ sinh cont, phí lệnh giao hàng phải nộp cho Công ty CP giao nhận vận tải Con Ong chi nhánh Hải Phòng là 1.720.000 đồng chưa VAT 10%. Công ty thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT

	HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao khách hàng	Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AB/11P Số (No): 0932115			
Mã số thuế: 0200287977 Viễn thông Hải Phòng Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương – Hồng Bàng – Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng Địa chỉ (Address): P7+8 tầng 3, số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP Số điện thoại (Tel): _____ Mã số (code): _____ Hình thức thanh toán (Kind of payment): TM/CK MST: 0301245691-002					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	Kỳ cước tháng: 11/2011				2.040.537
	a.Cước dịch vụ viễn thông				0
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ				0
(a+b+c+d)		Cộng tiền dịch vụ (1):			2.040.537
Thuế suất GTGT: 10% x(1)=		Tiền thuế GTGT (2):			204.054
(1+2+e)		Tổng cộng tiền thanh toán (1+2):			2.244.591
Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn, năm trăm chín mươi một đồng chẵn					
Người nộp tiền ký				Ngày 13 tháng 12 năm 2011	
				Nhân viên giao dịch ký	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Hóa đơn GTGT

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI CON ONG

BEE LOGISTICS CORPORATION

Mã số thuế: 0303482440

Nơi phát hành (Place of issue): CN CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI CON ONG

Địa chỉ (Address): 175-176 Bình Kiều II Đông Hải – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại (Tel): 84-3-3753108

Fax: 84-3-3753109

Mã số thuế (Tax code): 0303482440-001

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Liên 2: Giao cho người mua (*Customer*)

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: AA/ 11P

Số: 0012739

Ngày hóa đơn: 16/12/2011

Khách hàng (Customer): CN Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng

Địa chỉ (Address): P7+8 tầng 3, số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP

Mã số thuế (Tax code): 0301245691-002

Hình thức thanh toán (Method of payment): TM/CK

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
	PHÍ VỆ SINH CONT (CLEANING FEE) File: TB063312 B/L: COXH12070157	Cont 40'	1,00	1,075,000.00	1,075,000.00
	PHÍ LỆNH GIAO HÀNG (D/O FEE) File: TB063312 B/L: COXH12070157	Cont 40'	1,00	645,000.00	645,000.00

Xin trả vào tài khoản của chúng tôi: Số tiền chưa thuế: 1,720,000.00

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 172,000.00

GIAO NHẬN VẬN TẢI CON ONG

TK (VND): 160334851001429 Tổng cộng tiền thanh toán: 1,892,000.00

EXIMBANK – CN HẢI PHÒNG

Số tiền bằng chữ: Một triệu tám trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

Phan Thị Thu Nguyệt

Nguyễn Bích Ngọc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Trích Sổ nhật ký chung

CN CTY TNHH DV GNVТ QUANG HƯNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03a – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Nội dung	Số hiệu TKĐƯ		Số Tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
0932115	13/12/2011	Thanh toán tiền điện thoại T11/2011	6428	111	2.040.537
0932115	13/12/2011	VAT tiền điện thoại T11/2011	1331	111	204.054
...
0012739	16/12/2011	Phí VSC, D/O phải nộp cho công ty Con Ong	6421	111	1.720.000
0012739	16/12/2011	VAT phí VSC, D/O phải nộp cho công ty Con Ong	1331	111	172.000
...
0008606	31/12/2011	Nộp phí THC – B/L: COSU6025964350 – Cty Cosfi	6421	111	2.185.950
0008606	31/12/2011	VAT phí THC – B/L: COSU6025964350 – Cty Cosfi	1331	111	218.595
...
		Tổng cộng SFS			3.922.452.272

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Trích Sổ cái TK 642

CN CTY TNHH DV GNV T QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp_ TK 642

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
13/12	0932115	Thanh toán tiền điện thoại T11/2011	111	2.040.537	
...
16/12	0012739	Phí VSC, D/O - B/L: COXH12070157 – Cty Con Ong	111	1.720.000	
...
30/12	0000627	Thanh toán tiền vé máy bay cho giám đốc họp tổng kết năm 2011	111	5.276.000	
...
31/12	PKT15/12	K/C chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal để xử KQKD	911		390.079.737
31/12	PKT16/12	K/C chi phí quản lý khác để xử KQKD	911		107.076.219
		Tổng SPS		497.155.956	497.155.956
		Số dư cuối kỳ		-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Trích Sổ chi tiết TK 6421

CN CTY TNHH DV GNVТ QUANG HUNG ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP MST: 0301245691-002			Mẫu số S38 – DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính		
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN TK 6421 - Chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011					
Đơn vị tính: đồng					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
01/12	0064255	TT phí VSC, THC, CIC - B/L: HKHPPH10B0054,55, SE264SHKHPH 102 - SITC	111	11.070.000	
...
16/12	0012739	Phí VSC, D/O - B/L: COXH12070157 – Cty Con Ong	111	1.720.000	
...
21/12	0065460	TT phí VSC, THC, CIC – B/L: HKHPPH1C0040.41. HF868SHKHPH103 - SITC	111	2.510.000	
...
31/12	PKT15/12	K/C chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal để xử KQKD	911		390.079.737
		Tổng SPS		390.079.737	390.079.737
		Số dư cuối kỳ		-	-
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Người lập biểu			Giám đốc		
Trần Thị Minh Hòa			Trần Quốc Hương		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Trích Sổ chi tiết TK 6428

CN CTY TNHH DV GNV T QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S38 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 6428 - Chi phí quản lý khác

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
...
13/12	0932115	Thanh toán tiền điện thoại T11/2011	111	2.040.537	
...
27/12	0058033	Chi tiền điện T12/2011	111	1.132.720	
...
31/12	BTTL12	Lương nhân viên T12/2011	334	57.800.000	
31/12	BTTL12	Bảo hiểm tính vào chi phí	338	4.940.000	
...
31/12	PKT16/12	K/C chi phí quản lý khác để xử KQKD	911		107.076.219
		Tổng SPS		107.076.219	107.076.219
		Số dư cuối kỳ		-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

Biểu số 2.11: Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 642.

CN CTY TNHH DV GNV T QUANG HƯNG

ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP

MST: 0301245691-002

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 642

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số dư đầu kỳ : 0

STT	Số hiệu tài khoản	Diễn giải	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	6421	Chi phí D/O, THC, CFS	390.079.737	390.079.737
2	6428	Chi phí quản lý khác	107.076.219	107.076.219
		Tổng số phát sinh	497.155.956	497.155.956

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Tại công ty TNHH DV GNVN Quang Hưng chi nhánh Hải Phòng, doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

✚ Chứng từ sử dụng:

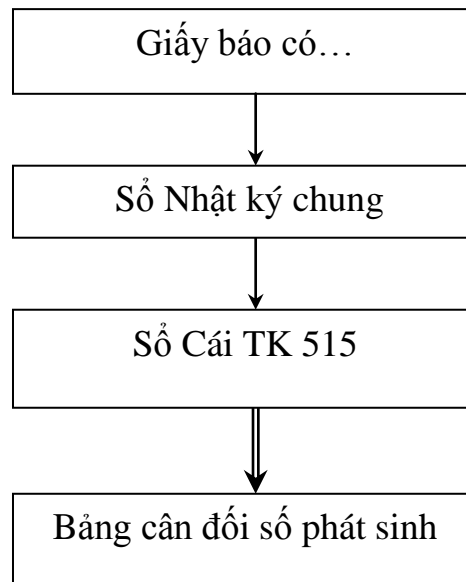
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan.

✚ Tài khoản sử dụng:

- TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính
- Các TK khác có liên quan

✚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.5 : Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

✚ Ví dụ :


Ngày 31/12 công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam về khoản lãi tiền gửi tháng 12/2011 số tiền là 254.567 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng kế toán tiến hành ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 515

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 515 kế toán lập bảng cân đối số phát sinh.

Biểu số 2.18 : Giấy báo có

		<h2>GIẤY BÁO CÓ</h2>	Số (Seq No.):.....
Chi nhánh MSB Hải Phòng		ADVICE OF CREDIT	Ngày (Date): 31/12/2011
Số tài khoản (Account No.): 020.01.01.0038469 D VND		Mã khách hàng(Cust. ID):	
Tên tài khoản (Account Name): CN CTY TNHH DV GNVT QUANG HÙNG			
MST: 0301245691-002		Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN	
Kính gửi (To): CN CTY TNHH DV GNVT QUANG HÙNG		Ngân hàng Hàng hải xin trân trọng thông báo: hôm nay tài khoản của Quý Công ty đã được ghi có số tiền như sau:	
Diễn giải		Số tiền (Amount):	
Trả lãi hàng tháng tiền gửi không kỳ hạn		254,567.00	
Người lập	Kiểm soát	Kế toán trưởng	

Biểu số 2.12: Trích Sổ nhật ký chung

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HUNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03a – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Nội dung	Số hiệu TKĐƯ		Số Tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
0064254	01/12/2011	Nộp phí VSC, THC – B/L: CHHK2HPH3918/10 , SITLCHAW604587 - SITC	6421	111	238.000
...
0093278	02/12/2011	Thu phí chứng từ, đại lý, VSC - B/L: HKHPH10B0048->53 – Cty Tinh Lợi	111	511	12.270.000
0093278	02/12/2011	VAT- phí chứng từ, đại lý, VSC - B/L: HKHPH10B0048->53 – Cty Tinh Lợi	111	3331	1.227.000
...
MSB13 -VND	31/12/2011	Nhập lãi tiền gửi NH Hàng Hải T12/11	1121H	515	254.567
...
		Tổng cộng SFS			3.922.452.272

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

Biểu số 2.13: Trích Sổ cái TK 515

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính _ TK 515

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
31/12	VCB161	Nhập lãi tiền gửi NH Vietcombank T12/2011	1121V		125.194
31/12	EXB61	Lãi tiền gửi NH Eximbank T12/2011	1121E		33.532
31/12	MSB13-VND	Nhập lãi tiền gửi NH Hàng Hải T12/2011	1121H		254.567
31/12	MSB20-USD	Nhập lãi tiền gửi NH Hàng Hải T12/2011(0.17\$x19500đ)	1122H		3.315
31/12	PKT14/12	K/C doanh thu tài chính để xđ KQKD	911	416.608	
		Tổng số phát sinh		416.608	416.608
		Số dư cuối kỳ		-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✚ Đặc điểm:

Cuối năm kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

- + Kết chuyển chi phí: chi phí quản lý doanh nghiệp
- + Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính...
- + Kết chuyển lãi – lỗ.

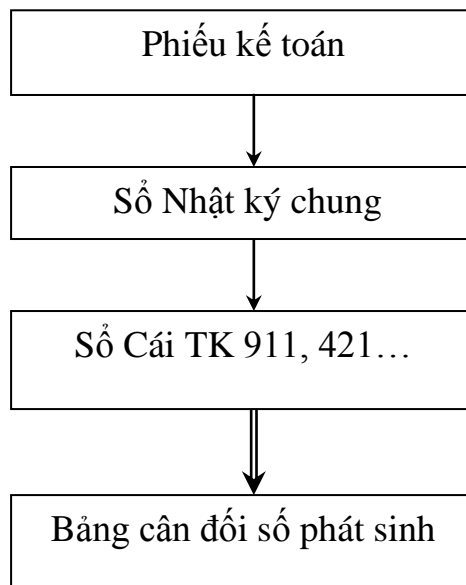
Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng tại Hải Phòng hạch toán phụ thuộc nên không phải nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp

✚ Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan

✚ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.6 : Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh




Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ ==>

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

 **Ví dụ:** Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh Tháng 12.

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào nhật ký chung

Căn cứ vào số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ Cái TK 911, 421 và các Sổ cái có liên quan

Cuối kỳ căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 911, TK 421 kế toán lập bảng cân đối SPS.

Biểu số 2.14: Phiếu kế toán

CN CTY TNHH DV GNV T QUANG HÙNG ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP MST: 0301245691-002				
PHIẾU KẾ TOÁN Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số 13/12				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định KQKD T12	5111	911	487.752.448
	Tổng			487.752.448
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Người lập biểu			Giám đốc	
Trần Thị Minh Hòa			Trần Quốc Hương	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phiếu kế toán

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
MST: 0301245691-002

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số 14/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định KQKD T12	515	911	416.608
	Tổng			416.608

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

Phiếu kế toán

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
MST: 0301245691-002

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số 15/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal để xđ KQKD T12	911	6421	390.079.737
	Tổng			390.079.737

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Phiếu kế toán

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
MST: 0301245691-002

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số 16/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí quản lý khác để xđ KQKD T12	911	6428	107.076.219
	Tổng			107.076.219

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

Phiếu kế toán

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
MST: 0301245691-002

PHIẾU KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Số 1712

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C lỗ T12	4212	911	8.986.800
	Tổng			8.986.800

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15: Trích Sổ nhật ký chung

CN CTY TNHH DV GNV T QUANG HƯNG ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP MST: 0301245691-002		Mẫu số S03b – DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính			
<p>SỔ NHẬT KÝ CHUNG Tháng 12 năm 2011</p>					
Đơn vị tính: đồng					
Chứng từ		Nội dung	Số hiệu TKĐƯ		Số Tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
...
PKT13/12	31/12/2011	K/C doanh thu D/O, THC, CFS để xác định KQKD	511	911	487.752.448
PKT14/12	31/12/2011	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định KQKD	515	911	416.608
PKT15/12	31/12/2011	K/C chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal để xử KQKD	911	6421	390.079.737
PKT16/12	31/12/2011	K/C chi phí quản lý khác để xử KQKD	911	6428	107.076.219
PKT17/12	31/12/2011	K/C lỗ T12	4212	911	8.986.800
		Tổng cộng SFS			3.922.452.272
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011					
Người lập biểu Trần Thị Minh Hòa			Giám đốc Trần Quốc Hương		

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16: Trích sổ cái TK 911

CN CTY TNHH DV GNVT QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh– TK911

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ		-	-
31/12	PKT13/12	K/C doanh thu D/O, THC, CFS để xác định KQKD	511		487.752.448
31/12	PKT14/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính để xác định KQKD	515		416.608
31/12	PKT15/12	K/C chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal để xđ KQKD	6421	390.079.737	
31/12	PKT16/12	K/C chi phí quản lý khác để xđ KQKD	6428	107.076.219	
31/12	PKT17/12	K/C lỗ T12	4212		8.986.800
		Tổng số phát sinh		497.155.956	497.155.856
		Số dư cuối kỳ		-	-

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

Biểu số 2.17: Trích Sổ cái TK 421

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HÙNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S03b – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối_ TK 421

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			85.201.644
31/12	PKT17/12	K/C lỗ T12	911	8.986.800	
		Tổng SPS		8.986.800	
		Số dư cuối kỳ			76.214.844

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

Trần Thị Minh Hòa

Trần Quốc Hương

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI QUANG HƯNG

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV Giao nhận vận tải Quang Hưng:

Qua thời gian thực tập tại CN Công ty TNHH DV GNVN Quang Hưng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm

✚ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ và hoàn toàn phù hợp với yêu cầu công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Nhân viên kế toán với trình độ chuyên môn cao, có tính độc lập, nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt công việc được giao, chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của Công ty.

✚ Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Về chứng từ kế toán:

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định.

- Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời.

- Trên các chứng từ thông tin được ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Các chứng từ được lưu trữ cẩn thận, kế toán lưu trữ chứng từ theo từng phân hành kế toán, tránh hiện tượng chứng từ chồng chéo nhau.

❖ *Về tổ chức hệ thống sổ kế toán*

Các sổ kế toán được thực hiện và lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là ghi chép đơn giản, kết cấu dễ ghi, số liệu kế toán dễ đối chiếu kiểm tra. Sổ cái cho phép người quản lý theo dõi được các nội dung kinh tế.

❖ *Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty*

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ **Về kế toán chi phí:** Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

+ **Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Cuối mỗi tháng, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.. Vì thế, kết quả về hoạt động kinh doanh của công ty sẽ luôn được cung cấp một cách chính xác và kịp thời. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty để đề ra chiến lược phát triển kinh doanh trong thời gian tiếp theo.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng còn một số mặt hạn chế như sau:

➤ Về tài khoản sử dụng:

- Hiện nay công ty không sử dụng tài khoản 632 – giá vốn hàng bán để hạch toán chi phí dịch vụ giao nhận vận tải mà mọi chi phí liên quan, phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng kế toán đều hạch toán vào tài khoản 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp. Cụ thể TK 642 được mở chi tiết như sau:

+ TK 6421: chi phí D/O, THC, CFS, bill, seal.

+ TK 6428: chi phí quản lý khác

Như vậy là hạch toán sai chế độ kế toán hiện hành.

➤ Về việc lập báo cáo tài chính:

Chi nhánh Công ty TNHH DV GN VT Quang Hưng tại Hải Phòng là chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Theo Công văn số 4483/TCT-CS ngày 05/11/2010 của Tổng cục thuế - Bộ Tài chính quy định “các chi nhánh hạch toán phụ thuộc có trụ sở ở địa phương khác tỉnh với trụ sở chính của Công ty mẹ lập báo cáo hoạt động kinh doanh gửi về Công ty mẹ ở trụ sở chính. Công ty mẹ căn cứ vào đó lập báo cáo tài chính tổng hợp (báo cáo tài chính hợp nhất) cho toàn bộ doanh nghiệp tại trụ sở chính và nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế tại địa phương có trụ sở chính. Còn chi nhánh hạch toán phụ thuộc không phải lập báo cáo tài chính gửi cơ quan quản lý thuế trực tiếp quản lý chi nhánh”. Tuy nhiên Chi nhánh Công ty TNHH DV GNVT Quang Hưng không lập báo cáo hoạt động kinh doanh mà hàng tháng kế toán lập bảng cân đối tài khoản gửi về Công ty mẹ

➤ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

Hiện nay công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán mà sử dụng bảng tính Excell để phục vụ công tác kế toán. Việc hạch toán thủ công sẽ làm giảm hiệu suất

làm việc, dễ dẫn đến nhầm lẫn về số liệu và khó có thể đáp ứng được số liệu khi cần một cách nhanh chóng và chính xác.

- Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng.

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là tất yếu. Các nhà quản lý phải sáng suốt hơn trong việc lựa chọn các quyết định kinh doanh, và kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản trị trong việc đưa ra các quyết định kinh tế tài chính. Bộ phận kế toán có nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho doanh nghiệp. Do đó thông tin kế toán càng ngày phải được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của quá trình kinh doanh nên đóng vai trò rất quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng kết quả kinh doanh của công ty sẽ cho ta thấy doanh nghiệp hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để các lãnh đạo điều chỉnh hoạt động

sản xuất kinh doanh nhằm tăng doanh thu, hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược trong tương lai.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại CN Công ty TNHH DV giao nhận vận tải Quang Hưng

3.2.3.1. Giải pháp 1: Giải pháp hoàn thiện tài khoản sử dụng

▪ Thứ nhất, Công ty cần sử dụng TK 632 – giá vốn hàng bán để hạch toán chi phí dịch vụ giao nhận vận tải thay vì sử dụng TK 6421.

Khi phát sinh chi phí liên quan đến dịch vụ giao nhận vận tải kế toán ghi:

Nợ TK 632

Nợ TK 133

Có TK 111,112,331...

▪ Thứ ba, sau khi sử dụng TK632- giá vốn hàng bán lúc này TK 642 chỉ còn 1 tài khoản cấp 2 đó là TK6428 – chi phí quản lý khác. Công ty nên tiến hành mở lại chi tiết cho tài khoản 642 nhằm xác định rõ ràng từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp để có thể theo dõi được sự biến động của các khoản mục chi phí, hoặc so với kỳ trước đó để xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi những khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý nhất

Kế toán nên mở chi tiết cho tài khoản 642 như sau:

TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...

TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ...

TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp

TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí chuyển tiền, phí tàu xe...

TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp: như tiền điện, điện thoại....

▪ *TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác:* Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách.

3.2.3.2. Giải pháp 2: Giải pháp hoàn thiện sổ sách kế toán sử dụng

- Trên cơ sở hoàn thiện tài khoản sử dụng, đối với tài khoản 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp có các tài khoản cấp 2, nhưng vì số lượng các nghiệp vụ phát sinh là không nhiều nên theo em kế toán có thể lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi chi tiết cho TK642.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Sổ chi phí hoạt động kinh doanh

CN CTY TNHH DV GNVN QUANG HƯNG
 ĐC: Số 3 Lê Thánh Tông – NQ – HP
 MST: 0301245691-002

Mẫu số S36 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tên tài khoản: Chi phí quản lý _ TK 642

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản						
Ngày	Số			Tổng số tiền	6421	6422	6423	6425	6427	6428
		Số dư đầu kỳ	-	-	-	-	-	-	-	
		Số phát sinh trong kỳ								
...	
13/12	0932115	Thanh toán tiền điện thoại T11/2011	111					2.040.537		
...	
28/12	0003605	Mua văn phòng phẩm	111		1.119.000					
...	
		Cộng số phát sinh trong kỳ								
		Tổng SPS		107.076.219	92.096.010	1.119.000	227.727	283.000	4.423.257	8.927.225
		Số dư cuối kỳ		-	-	-	-	-	-	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu

Giám đốc

3.2.3.3. Giải pháp 3: Về việc lập báo cáo tài chính:

Việc lập báo cáo tài chính tuy là không bắt buộc đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc nhưng Công ty nên lập báo cáo tài chính. Việc lập báo cáo tài chính sẽ giúp nhà quản trị doanh nghiệp biết được tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định phù hợp, báo cáo tài chính còn cho thấy tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua đó góp phần đánh giá năng lực của bộ máy lãnh đạo và các hoạt động của doanh nghiệp. Hơn nữa báo cáo tài chính còn là một công cụ để thực hiện công tác quản trị. Ngoài ra việc lập báo cáo tài chính sẽ giúp Công ty mẹ lập báo cáo tài chính tổng hợp dễ dàng và chính xác hơn.

3.2.3.4. Giải pháp 4: Về việc áp dụng phần mềm kế toán máy vào công tác kế toán.

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy. Việc sử dụng phần mềm kế toán máy vào công tác hạch toán kế toán sẽ giúp:

- Nâng cao hiệu suất làm việc, hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý.

- Dễ dàng để làm việc: hầu hết các phần mềm kế toán rất dễ dàng để cài đặt và sử dụng nên không yêu cầu phải có chuyên môn sâu về kế toán và tài chính để sử dụng nó.

- Tiết kiệm thời gian làm việc, giảm bớt những sai sót mà kế toán thường mắc phải trong cách hạch toán thủ công, giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể theo dõi chính được toàn bộ hoạt động tài chính của doanh nghiệp một cách nhanh chóng nhằm đưa ra các báo cáo chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, FAST, SAS INNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty

3.2.3.5. Giải pháp 5: Áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho khách hàng thanh toán trước hạn để kích thích khách hàng thanh toán sớm và tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn, lâu dài.

Theo em để áp dụng chiết khấu thanh toán trước tiên công ty phải xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng. Xác định mức chiết khấu cho khách hàng cần phải dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh
- Thời gian thanh toán
- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Dựa vào mức chiết khấu của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào chính sách kinh doanh của công ty...

Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản thu nhưng tỷ lệ chiết khấu sẽ làm giảm lợi nhuận. Doanh nghiệp cần xem xét chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước hạn quy định, khoản chiết khấu này sẽ được hạch toán vào tài khoản 635 - Chi phí tài chính.

Phương pháp hạch toán:

Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 131, 111, 112...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này là hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau một thời gian thực tập tại CN Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cán bộ nhân viên phòng kế toán tài chính trong công ty cùng với sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Phương, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của **Giảng viên – ThS. Trần Thị Thanh Phương** cùng phòng kế toán CN Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận vận tải Quang Hưng, cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành bài khóa luận.

Hải Phòng , ngày ... tháng... năm...

Sinh viên

Đỗ Thị Hà Thanh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Võ Văn Nhị, *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2007
2. Nguyễn Phú Giang, *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính Hà Nội, xuất bản năm 2007
3. GS.TS Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy, *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
4. TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán dịch vụ*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2009
5. TS. Nguyễn Tuấn Duy và TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán quản trị (sách chuyên khảo)*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006
Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*
Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*
Nhà xuất bản: Nhà xuất bản tài chính
Năm xuất bản: 2006